####  **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của

Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ Phần Sông Đà 909

Năm báo cáo 2012

1. THÔNG TINH CHUNG:
2. Thông tin khái quát
* Tên công ty: Công ty cổ phần Sông Đà 909

Tên giao dịch bằng tiếng anh: SongDa 909 Jont Stock Company.

Tên viết tắt: Songda909., JSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 01 năm 2013;

Biểu tượng (logo) của Công ty :



 SERINTEC

Vốn điều lệ: 124.969.290.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 124.969.290.000 VND

Địa chỉ: Tầng 9- Tòa nhà Sông Đà, xã Mỹ đình, huyện Từ Liêm, Tp Hà Nội

Số điện thoại:04 3768 4495

Số fax: 04 3768 4490

Website: htp//songda909.vn

Mã cổ phiếu: S99

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Sông Đà 909 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 - thuộc Công ty Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà (Xí nghiệp Sông Đà 903 được thành lập theo Quyết định số 15 CT/TCHC ngày 20/11/1998 của Giám đốc Công ty Sông Đà 9).

Sau gần 5 năm hoạt động, Xí nghiệp Sông Đà 903 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v: chuyển Xí nghiệp Sông Đà 903 thuộc Công ty Sông Đà 9, thành Công ty cổ phần Sông Đà 909, với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3 tỷ đồng.

Quá trình hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần Sông Đà 909 đã đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước như: Xây dựng các nhà máy thuỷ điện Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Sê San3, Playkrông; công trình đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 1A....Đầu tư các dự án khu đô thị như: dự án khu đất Tân Vạn tại tỉnh Đồng Nai, dự án cải tạo khu Vĩnh Hồ, khu Ngọc Khánh tại thành phố Hà Nội...Thành lập Trung tâm xuất khẩu lao động tại Hà Đông tỉnh Hà Tây cũ. Ngoài ra, công ty còn tham gia đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ như Văn phòng cho thuê, khách sạn nhà hàng cao cấp, đầu tư chứng khoán...

Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

Năm 2003: Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3.000.000.000 đồng, chứng nhận ĐKKD số 0103002768 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 19/8/2003.

Năm 2006: Ngày 22/12/2006 niêm yết và chính thức giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (Mã S99) tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 6/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2007: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng và chia thành 02 đợt như sau :

Đợt 1: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 5.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do Sở KHĐT Hà Tây cấp ngày 29/03/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD từ số 0103002768 do chuyển trụ sở từ Hà Nội sang Hà Tây)

Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 28/12/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do chuyển trụ sở từ Hà Tây sang Hà Nội)

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên 44.497.400.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/06/2009.

Năm 2010: Tăng vốn điều lệ từ 44.497.400.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 14/06/2010 (chuyển từ ĐKKD số 0103021586 sang ĐKKD Mã số 0101405355).

Năm 2011: Tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 99.989.600.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/03/2011.

Năm 2012: Tăng vốn điều lệ từ 99.989.600.000 đồng lên 124.969.290.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 16/08/2012 và thay đổi lần thứ 7 ngày 22/01/2013.

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
* Ngành nghề kinh doanh:

|  |
| --- |
| * Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;
 |
| * Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
 |
| * Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
 |
| * Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
 |
| * Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
 |
| * Kinh doanh vận tải hàng hoá;
 |
| * Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
 |
| * Kinh doanh bất động sản;
 |
| * Đầu tư xây dựng các nhà máy thuỷ điện, quản lý vận hành nhà máy thuỷ điện, bán điện;
 |
| * Sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng. Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng;
 |
| * Nuôi trồng, chế biến nông lâm thuỷ hải sản, thực phẩm (trừ loại nhà nước cấm);
 |
| * Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
 |
| * Hoạt động xuất khẩu lao động;
 |
| * Kinh doanh dịch vụ Bất động sản:
* Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản;
* Dịch vụ môi giới Bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty);
* Dịch vụ định giá Bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty);
* Dịch vụ tư vấn Bất động sản;
* Dịch vụ Đấu giá Bất động sản;
* Dịch vụ quảng cáo Bất động sản;
* Dịch vụ quản lý Bất động sản.
 |

* Địa bàn kinh doanh:

Trong các năm qua, công ty đã tham gia thi công tại các công trình sau: Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La (tỉnh Sơn La), thủy điện Nậm Chiến (tỉnh Sơn La) thủy điện Plêykrông (tỉnh Kontum), thủy điện Sê San 4 (tỉnh Gia Lai), đường giao thông tỉnh Tuyên Quang, tuyến Cáp quang đường HCM, Đường QL1 Hà Nội - Bắc Ninh, Đường Pháp Vân - Cầu giẽ, công trình Cống hộp Mỹ Đình-Hà Nội, Đường mòn Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế, Đường cao tốc Nội Bài - Vĩnh Yên, Công trình Thủy điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu), Công trình đường 127- đường tránh ngập vào thuỷ điện Lai châu, Công trình đường Nam Quảng Nam (tỉnh Quảng Nam) và nhiều công trình khác.

Trong năm 2012, Công ty đang thi công các công trình chủ yếu là: Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La (tỉnh Sơn La), Công trình nhà máy Thủy điện Nậm Chiến (tỉnh Sơn La); Nhà máy Thuỷ điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu) và công trình Đường Nam Quảng Nam Trà My – Trà Bồng (tỉnh Quảng Nam).

1. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:
* *Mô hình quản trị công ty gồm:*

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền**.**

**Hội đồng quản trị** (HĐQT)**:**

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

**Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 (ba) thành viên.

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc do HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty

Số thành viên Ban Tổng giám đốc của Công ty bao gồm 03 người: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

* *Cơ cấu bộ tổ chức máy quản lý.*

Công ty có 5 phòng chuyên môn chức năng: Văn phòng Tổng hợp, Phòng Quản trị Nhân Sự, Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Kinh tế-Vật Tư và Phòng Kỹ Thuật dự án & Quản lý Cơ giới;

Có 2 đơn vị hạch toán trực thuộc: Xí nghiệp I, Chi nhánh Công ty - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế;

Có 1 Ban quản lý dự án là: Ban QL các DA Hà Nội không tổ chức hạch toán riêng.

Có 2 đội công trình là Đội Tổng hợp số 4, Đội Tổng hợp số 8;

Có 1 Công ty con: Công ty CP Sông Đà Hồng Lĩnh.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

XÍ NGHIỆP I -

TẠI LAI CHÂU

BAN QL CÁC

DỰ ÁN HÀ NỘI

CNCT- TRUNG TÂM C.Ứ NHÂN LỰC QUỐC TẾ

ĐỘI XÂY LẮP

SỐ 1

ĐỘI XÂY LẮP

SỐ 2

ĐỘI TỔNG HỢP

 SỐ 4

ĐẠI HỘI ĐỒNG

CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM

SOÁT

HỘI ĐỒNG

QUẢN TRỊ

BAN TỔNG

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG

TỔNG HỢP

P.QUẢN TRỊ-

NHÂN SỰ

P.TÀI CHÍNH-

KÊ TOÁN

P.KINH TẾ -

VẬT TƯ

P.KỸ THUẬT

VÀ QL CƠ GIỚI

CÔNG TY CON:

1. CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ HỒNG LĨNH

ĐỘI TỔNG HỢP

SỐ 8

**Các phòng ban chức năng của Công ty:**

- Văn phòng Tổng hợp:

Là đầu mối trực tiếp truyền đạt chỉ đạo chung của Hội Đồng Quản trị và ban Tổng Giám Đốc tới các phòng ban, đơn vị, đội trực thuộc Công ty, và chiều hướng ngược lại. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu, hồ sơ cán bộ công nhân viên và công tác hành chính phục vụ công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; thay mặt Tổng Giám đốc Công ty giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách; quản lý nhà cửa, mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, xe con phục vụ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại cơ quan Công ty.

- Phòng Quản trị Nhân sự:

Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu hoạt động và chiến lược của Công ty; tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo; tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức nhân sự; hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Tổng Giám đốc và người lao động trong Công ty.

- Phòng Kinh tế Vật tư:

Tham mưu, thực hiện, giám sát, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác Kinh tế, kế hoạch và công tác cung ứng vật tư cơ giới; kiểm soát giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, lưu trữ hồ sơ; xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển các tuyến mới, phát triển các dịch vụ trên cơ sở kinh doanh hiện tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty; nghiên cứu, xây dựng trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn; quản lý thực hiện các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành; ...đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu phụ tùng vật tư, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt;

- Phòng Kỹ thuật Dự án & Quản lý cơ giới:

Tham mưu, giám sát, thực hiện, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, quản lý tiếp thị các dự án và công tác Quản lý cơ giới; kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng, giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát, lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; giúp lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, báo cáo cơ hội đầu tư, quản lý các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào vận hành, khai thác, sử dụng; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các yêu cầu của công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty; tham mưu cho lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác quản lý cơ giới, thiết bị và thanh lý xe máy;

- Phòng Tài chính-Kế toán:

Có chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty, tuân theo các quy định chính sách, chế độ hiện hành liên quan.

- Ban Quản lý các dự án Hà Nội: Chủ trì việc tổ chức, triển khai thực hiện các dự án Đầu tư về Bất động sản tại khu vực Hà Nội; tìm kiếm các dự án liên quan, phân tích, lập kế hoạch và báo cáo thực hiện; là đầu mối thu thập các nguồn tin (cả về các quy chế, quy định, cơ chế liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam) về lĩnh vực đầu tư Bất động sản tại Hà Nội; tham mưu trực tiếp cho Ban Tổng Giám Đốc, Hội đồng quản trị Công ty về quyết định đầu tư các dự án Bất động sản.

- Xí nghiệp 1: Là đơn vị trực thuộc, Quản lý toàn bộ công tác sản xuất kinh doanh lĩnh vực thi công xây lắp tại các công trường Thủy điện Sơn La, thủy điện Nậm Chiến và Thuỷ điện Lai Châu, cũng như các công trình khác Công ty đã và đang triển khai thi công.

- Chi nhánh Công ty-Trung tâm CƯNLQT: Là đơn vị thay mặt Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Các Đội Tổng hợp số 4, số 8: Là đội công trình được Công ty thành lập để thay mặt Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại các công trình.

- Các Đội Xây lắp số 1, số 2: Là các đội công trình được Xí nghiệp I thành lập để thay mặt XN1 thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại các công trình.

Các công ty con, công ty liên kết:

Có 1 công ty con là: Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh

Trụ sở chính tại: Thôn 2, xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh

Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chính); Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác...

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng . Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ theo cam kết là 51%.

 Vốn điều lệ thực góp 6.830.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu vốn thực tế là : 100%.

*5. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.*

1. Công tác xây lắp:
2. Mục tiêu tiến độ thi công của các công trình:
* Công trình Thuỷ điện Sơn La : Tập chung quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ của các phần việc đã thi công xong.
* Công trình thuỷ điện Lai Châu: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B và vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.381.000m3 đất đá các loại, thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* Gói thầu R4-3 thi công xây dựng đường Nam Quảng Nam (giai đoạn 1):Hoàn thiện quyết toán công trình.

- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu: Làm việc với Ban A thực hiện công tác điều chỉnh giá và thực hiện quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư.

- Công trình mới: Tìm kiếm thêm công việc làm tại công trình thủy điện Lai Châu và các công trình mới về lĩnh vực xây lắp tại địa bàn các tỉnh Hà Nội, Phú Thọ, Hải Phòng và Sóc Trăng… để thực hiện.

1. Công tác nghiệm thu, thanh toán:

Tập trung trong công tác thu vốn và thu hồi công nợ cụ thể:

*2.1 Công tác nghiệm thu, thu vốn:*

*\* Công tác kỹ thuật:*

- *Công trình thủy điện Lai Châu:* Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế Dự toán hạng mục mỏ đá 1B để có cơ sở thanh toán.

- *Công trình thủy điện Nậm Chiến:* Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán các hạng mục (Nạo vét suối Chiến, Trạm OPY…). Làm nghiệm thu thanh toán đợt 4 hạng mục Nạo vét suối Chiến và nghiệm thu quyết toán khối lượng các hạng mục đã thi công.

- *Công trình thủy điện Sơn La:* Tập trung làm việc với ban A và các đơn vị để quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình này (15 hạng mục quyết toán cùng các đơn vị trong Tổng công ty Sông Đà và 02 mục quyết toán với Ban A).

 *- Gói thầu R4-3đường Nam Quảng Nam:* Quyết toán xong khối lượng với Ban quản lý dự án đường Nam Quảng Nam.

*- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu:* Làm việc với Ban A về công tác điều chỉnh giá gói thầu, thực hiện phân chia khối lượng thi công theo từng thời điểm để làm cơ sở thực hiện điều chỉnh giá gói thầu.

- *Các công trình cũ*: Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.

*\* Công tác kinh tế:*

- *Công trình thủy điện Lai Châu:*

+ Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế Dự toán hạng mục mỏ đá 1B để thu vốn.

+ Làm việc với Ban điều hành và các đơn vị Sông Đà 704 và 508 để thống nhất đơn giá thanh toán phủ giá trị cấp đá nghiền sàng tại thủy điện Lai Châu.

- *Công trình thủy điện Nậm Chiến:* Làm việc với BĐH thủy điện Sơn La và Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt dự toán các hạng mục và thanh, quyết toán các hạng mục đã thi công.

- *Công trình thủy điện Sơn La:* Thanh, quyết toán các hạng mục còn lại tại công trình này. Phối hợp với Chi nhánh Sông Đà 908 làm việc với Ban A phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục Gia cố mái đào thu dọn lòng sông đợt 1 và quyết toán hạn mục Gia cố vai phải khi Chù đầu tư ban hành đơn giá công trình.

*- Gói thầu R4-3 đường Nam Quảng Nam:* Hoàn thiện quyết toán gói thầu.

*- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu:* Làm việc với Ban A về công tác điều chỉnh giá gói thầu, lập dự toán và trình Ban A phê duyệt. Thanh quyết toán dứt điểm gói thầu này.

- *Các công trình cũ* : Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.

*2.2. Công tác thu hồi công nợ*:

Theo dự báo năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn, vì vậy công tác thu hồi công nợ được đặc biệt quan tâm và xây dựng phương án cụ thể để thực hiện đem lại hiệu quả. Bám sát các Chủ đầu tư, Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La, Lai Châu và các đơn vị nhận cấp đá nghiền sàng Xí Nghiệp Sông Đà 508 và Công ty CP Sông Đà 704 tại công trình thuỷ điện Lai Châu, thu hồi công nợ của Sông Đà 2 và Ban QLDA đường Nam Quảng Nam, các BĐH thủy điện Sê San 4, Pleikrong để thu tiền về phục vụ công tác SXKD của Công ty. Mục tiêu đề ra đến ngày 31/12/2013 giá trị công nợ phải thu còn 30,0 tỷ đồng.

*2.3. Công tác cơ giới*:

Trong năm 2013 công tác cơ giới được Ban Tổng giám đốc quyết liệt chỉ đạo, thanh lý xe máy thiết bị cũ (thanh lý 04 xe phục vụ; 15-:- 20 xe ô tô tải cũ và từ 03-:- 04 máy đào cũ) và đầu tư thêm xe máy thiết bị để nâng cao năng lực đồng thời tiết giảm chi phí. Tiến độ thực hiện chi tiết được Ban Tổng giám đốc xem xét và trình Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm phù hợp.

B. Mục tiêu các dự án đầu tư: Trong năm 2013, mục tiêu chính của Công ty là tìm kiếm công việc và tập trung nguồn lực vào công tác xây lắp, vì vậy các dự án đầu tư hiện tại của Công ty vẫn chưa được thực hiện, công tác dự án năm 2013 tiếp tục được theo dõi và bám sát các Sở, ban ngành nếu có cơ hội thực hiện thì Công ty xin chủ trương của HĐQT để thực hiện, cụ thể như sau:

*2.1.Dự án Tân Vạn:*

Tiếp tục liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ chuyển nhượng dự án khi có đối tác.

*2.2.Dự án Ngọc Khánh và Dự án Vĩnh Hồ:*

- Bám sát các Sở, ban ngành Hà Nội theo dõi cập nhật thông tin dự án để khi có điều kiện thì thực hiện tiếp.

- Dự án nhà tạm cư: Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng chức năng phối hợp đề xuất phương án hợp lý trình HĐQT phê duyệt để chuyển nhượng đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

*2.3.* *Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:*

*2.3.1. Dự án mỏ đá Nhà Lương:*

Trong giai đoạn này, việc triển khai dự án không đem lại hiệu quả vì vậy năm 2013 tạm dừng triển khai đầu tư để giữ và duy trì mỏ đá theo quy định của pháp luật để không bị thu hồi, kết hợp phân tích đánh giá lại toàn diện của dự án.

*2.3.2. Dự án mỏ đất Núi Chua:*

Tiếp tục làm việc với các cấp lãnh đạo để hoàn thiện xin cấp phép khai thác khoáng sản, mặt khác tìm kiếm mỏ thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Minh Kỳ tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh.

*2.4. Dự án thủy điện Phình Hồ:* Thực hiện giải quyết dứt điểm các công việc với các đơn vị liên quan để hoàn thiện chấm dứt đầu tư dự án thủy điện Phình Hồ theo quyết định số 47A/S99-HĐQT-QĐ của HĐQT Công ty ký ngày 17/12/2012.

*2.5. Các dự án khác:*

 Tìm kiếm các dự án thi công trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh, Sóc Trăng ...

- Dự án xây dựng văn phòng Công ty: Hoàn thành trong quý 1 năm 2013.

- Bám sát các dự án chống biến đổi khí hậu, các dự án y tế.

 - Bám sát các Ban quản lý dự án xin thông tin và dự án thi công phù hợp với năng lực.

- Nghiên cứu phát triển các ngành nghề mới, công việc mới về quản lý, thi công xây dựng để ứng dụng trong việc quản lý, thi công công trình nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

C. Công tác XKLĐ:

Công tác này vẫn chưa thực hiện được do trong năm 2013 nền kinh tế vẫn còn khó khăn và thực tế trong cả một thời gian dài Công ty vẫn chưa tìm kiếm được đơn hàng nào để triển khai thực hiện. Kế hoạch năm 2013, về nhân sự của Trung tâm XKLĐ thực hiện kiêm nhiệm để tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng tại các thị trường truyền thống và xây dựng phương án thực hiện phù hợp, khi có được đơn hàng Công ty sẽ sắp xếp và điều động nhân sự triển khai thực hiện đem lại hiệu quả.

D. Công tác kinh doanh khác:

Trong tình hình chung của nền kinh tế và sự khan hiếm nguồn vốn như hiện nay, công tác kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản tiếp tục được các Ban theo dõi và thực hiện khi có cơ hội và phù hợp với nguồn tài chính của Công ty.

 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

*Giai đoạn 2013 - 2015*

*Công tác xây lắp:* Là nhà thầu thi công xây lắp chuyên nghiệp.

*Công tác dự án đầu tư :*

*- Dự án nhà ở Ngọc Khánh, Vĩnh Hồ – Hà Nội*: Bám sát các Sở, ban ngành Hà Nội theo dõi cập nhật thông tin dự án để khi có điều kiện thì thực hiện tiếp.

- *Dự án nhà tạm cư*: Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng chức năng phối hợp đề xuất phương án hợp lý trình HĐQT phê duyệt để chuyển nhượng đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

*Dự án thủy điện Phình Hồ:* Thực hiện giải quyết dứt điểm các công việc với các đơn vị liên quan để hoàn thiện chấm dứt đầu tư dự án thủy điện Phình Hồ theo quyết định số 47A/S99-HĐQT-QĐ của HĐQT Công ty ký ngày 17/12/2012.

*- Dự án khai thác mỏ đá Nhà Lương huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh*: Trong giai đoạn này, việc triển khai dự án không đem lại hiệu quả vì vậy năm 2013 tạm dừng triển khai đầu tư để giữ và duy trì mỏ đá theo quy định của pháp luật để không bị thu hồi, kết hợp phân tích đánh giá lại toàn diện của dự án.

- *Dự án khai thác mỏ đất Núi Chua huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh*: Tiếp tục làm việc với các cấp lãnh đạo để hoàn thiện xin cấp phép khai thác khoáng sản, mặt khác tìm kiếm mỏ thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Minh Kỳ tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh.

Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các dự án Bất động sản khác, tham gia đấu giá quyền sử dụng đất, làm đường giao thông để triển khai đổi đất lấy cơ sở hạ tầng theo chủ trương của Thành phố Hà Nội, tìm kiếm các công việc trong lĩnh vực xây lắp ở Hải Phòng, Sóc Trăng, Phú Thọ đảm bảo hoàn thành các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Công ty luôn chấp hành các quy trình, biện pháp thi công đúng với quy định của pháp luật đảm bảo hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng đến môi trường, không ngừng mở rộng quy mô để tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển các vùng miền khó khăn, thực hiện các phong trào từ thiện...

*6. Các rủi ro:*

Sự biến động của kinh tế thế giới, kinh tế trong nước ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Ảnh hưởng của yếu tố toàn cầu:

 Sự biến động giá cả của các mặt hàng về Nhiên liệu, vật tư phụ tùng và các vật liệu khác phục vụ thi công xây lắp ảnh hưởng rất lớn, làm chi phí đầu vào biến động ảnh hưởng đến quản trị hiệu quả đầu tư.

 + Ảnh hưởng của yếu tố trong nước:

 Các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; cụ thể về lãi suất ngân hàng, chính sách thuế, chính sách đầu tư công của Nhà Nước...

 Ngoài ra có các rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn...

1. Tình hình hoạt động trong năm
2. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2012 là một năm khó khăn nhưng Công ty cũng đã cố gắng thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận thực tế vượt kế hoạch năm, do phải giảm trừ chi phí của Dự án thủy điện Phình Hồ vì nguyên nhân dừng dự án nên lợi nhuận năm 2012 còn 58,49% so với KH 2012 đề ra.

Hoạt động thi công xây lắp:

Công ty đã được Tổng Công ty Sông Đà và Công ty cổ phần Sông Đà 9 giao tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Nhà máy thủy điện Sơn La, Plêykrông, Sê San 4, Tuyên Quang, Cáp quang đường HCM, Đường QL1 Hà Nội - Bắc Ninh, Đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, Cống hộp Mỹ Đình, Đường Hồ Chí Minh đoạn qua Thừa Thiên Huế, Đường cao tốc Nội Bài - Vĩnh Yên, Công trình Thủy điện Lai Châu, CT đường 127- đường tránh ngập vào thuỷ điện Lai Châu, Công trình thủy điện Nậm Chiếu, Công trình đường Nam Quảng Nam và nhiều công trình khác.

Trong năm 2012, Công ty đang thi công các công trình như Thuỷ điện Sơn La, Thuỷ điện Lai Châu, công trình thủy điện Nậm Chiến và công trình Đường Nam Quảng Nam Trà My – Trà Bồng.

Hoạt động đầu tư các dự án:

Hiện nay, Công ty đã và đang triển khai thực hiện một số dự án lớn như: Dự án Khu đất Tân Vạn - Đồng Nai có diện tích đất trên 3.500m2, dự án khu nhà ở Ngọc Khánh – Hà Nội có diện tích đất trên 5.000m2, dự án nhà ở Vĩnh Hồ - Hà Nội có diện tích đất trên 18.000m2, dự án khai thác đá tại mỏ đá nhà Lương huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh có diện tích trên 20ha, dự án khai thác đất tại mỏ đất Núi Chua huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh có diện tích đất trên 60ha và các dự án khác. Tuy nhiên trong năm 2012, Công tác thi công các dự án chưa triển khai được do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Hoạt động kinh doanh bất động sản:

Hiện nay, Công ty đã thành lập xong sàn giao dịch bất động sản, ổn định nhân sự và cơ sở vật chất, sẵn sàng đi vào hoạt động khi có cơ hội.

Hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động:

Hiện nay, Công ty đang tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu lao và trong năm 2012 vẫn chưa thực hiện được kế hoạch đề ra.

*Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2012:*

- Giá trị sản xuất kinh doanh đạt 114,5 tỷ đồng,

- Tổng chi phí sản xuất kinh doanh đạt 104,7 tỷ đồng

- Doanh số bán hàng là 139 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế đạt được là 2,6 tỷ đồng.

# *Tình hình thực hiện so với kế hoạch:*

Giá trị sản xuất kinh doanh năm 2012 đạt 68% so với kế hoạch và đạt 78% so với thực hiện năm 2011 nguyên nhân chủ yếu là một số dự án không thực hiện được trong năm 2012 theo kế hoạch đã đề ra; Tổng chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2012 đạt 68 % so với kế hoạch và bằng 74% so với thực hiện năm 2011 nguyên nhân là giá trị sản lượng không đạt theo kế hoạch, Công ty đã thực hiện các biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Doanh số bán hàng năm 2012 đạt 88% so với kế hoạch và bằng 118% so với thực hiện năm 2011. Với chủ trương giảm tối đa giá trị sản lượng dở dang, đồng thời một số dự án mới theo kế hoạch không thực hiện được; Lợi nhuận trước thuế năm 2012 đạt 58 % so với kế hoạch và bằng 331% so với thực hiện năm 2011 nguyên nhân là năm 2012 Công ty đã ngừng triển khai thi công dự án thủy điện Phình Hồ, dẫn đến chi phí khác ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ là 7,4 tỷ làm cho lợi nhuận trong năm không đạt.

1. *Tổ chức và nhân sự*
* Danh sách Ban điều hành:

Danh sách Ban điều hành Công ty:

Ông Phan Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc đến 31/12/2012.

Họ và tên : PHAN VĂN HÙNG

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/8/1973

Số CMTND : 012528904 - ngày cấp: 20/08/2002- nơi cấp: Công An Hà Nội.

Nơi sinh : Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : P 110, K11A, phường Bách Khoa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 84-4-7 684 558

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

1996 - 2000 : Bí thư đoàn trường Đại học Xây dựng Hà Nội

2000 - 2002 : Đội trưởng đội TH số 1 Xí nghiệp Sông Đà 903 - CT Sông Đà 9

2003 – T08/2004 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

2004- T3/2007 : Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

T4/2007- 31/12 2012 : Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm TGĐ Công ty CP Sông Đà 909.

01/01/2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 1.572.522 cổ phần

Trong đó:

Sở hữu cá nhân : 635.022 cổ phần (tính đến ngày 31/12/2012)

Đại diện sở hữu phần vốn Công ty CPSông Đà 9 : 937.500 cổ phần

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Ông Dương Ninh Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : DƯƠNG NINH TÙNG

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 24/8/1974

Số CMND : 113105960- Ngày cấp: 20/06/2007- Nơi cấp: CA Tỉnh Hòa Bình

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Điện phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ thường trú : Phường Tân Thịnh, Thị xã Hòa Bình

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

9/2001 - 3/2004 : Nhân viên phòng đền bù Công ty BOT Cần Đơn - Thanh Hóa - Lộc Bình - Bình Phước

4/2004 - 12/2004 : Nhân viên ban KTKH XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

01/2005 - 11/2008 : Phó Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

12/2008 đến nay : Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Tháng 10/2010 đến nay : Phó TGĐ Công ty kiêm Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó TGĐ Công ty kiêm Giám Đốc XN1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909, Ủy viên HĐQT Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ : 14.696 cổ phần

Trong đó:

Sở hữu cá nhân : 14.696 cổ phần (Tính đến ngày 31/12/2012)

Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 9: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Ông Phan Mạnh Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc đến ngày 31/12/2012 và Tổng giám đốc kể từ 01/01/2013.

Họ và tên : PHAN MẠNH HIỆP

Giới tính : Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 01/5/1975

Số CMND : 013270885 - Ngày cấp: 29/04/2010 - Nơi cấp: Công An TP Hà Nội

Nơi sinh : Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xuân Viên, Nghi Xuân, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : Tổ 1, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện

Quá trình công tác:

01/1999 - 12/2003 : Kỹ sư điện Xí nghiệp lắp máy và Xây dựng 10.2

3/2004 - 9/2004 : Cán bộ kỹ thuật Đội TH số 4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

10/2004 - 12/2007 : Đội trưởng Đội TH số 4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

01/2008 - 01/2008 : Trưởng VP Đại diện tại Hà Nội - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

02/2008 đến 31/12/2012 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

01/01/2013 đến nay : Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ : 22.005 cổ phần (Tính đến 31/12/2012)

Trong đó:

 Sở hữu cá nhân : 22.005 cổ phần

 Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 9 : 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Ông Chu Danh Phương - Kế toán trưởng

Họ và tên : CHU DANH PHƯƠNG

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/1974

Số CMND : 111745766 Ngày cấp 16/04/2007 Nơi cấp: CA Hà Tây.

Nơi sinh : Ba Vì – Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xóm Lão, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

Địa chỉ thường trú : Số 3/56 - Tập thể CTN 101 – Ngõ 85 - Phố Hạ Đình – Phường Thanh Xuân Trung - Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc: 0904244610

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

Từ 2001-2003 : Phó Phòng TCKT Công ty Lắp máy & XD số 10 – TCT Lilama

Từ 2004-2005 : Phó phòng TCKT Công ty Lắp máy & XD 692 - TCT Lilama

Từ 2006-2007 : Phó phòng TCKT Công ty CP XM Thăng Long - Quảng Ninh

Từ T01/ 2008- 07/2009 : Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909 – TCT Sông Đà

Từ T08/2009 - Nay : Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 909 – TCT Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 9.144 cổ phần

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu cá nhân :9.144 cổ phần (Tính đến 31/12/2012)

Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần

Số cổ phần đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 9: 0 cổ phần

Số cổ phiếu do người có liên quan nắm giữ : không

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Các khoản nợ đối với Công ty : không

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm: Không

*Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động*.

 Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2012 là: 216 người

 Hàng tháng Công ty thực hiện báo tăng, giảm CBCNV với cơ quan BHXH nghiêm túc và đầy đủ theo quy định hiện hành.

 Thực hiện thủ tục hồ sơ liên quan đến công tác chế độ chính sách kịp thời, đảm bảo quyền lợi đối với CBCNV trong toàn Công ty theo thực tế phát sinh và theo quy định.

 Tuy nhiên trong quý IV cũng như trong năn 2012, vì kinh tế gặp nhiều khó khăn nên công tác trích nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN đối với CQ BHXH vẫn còn chậm, gây ảnh hưởng đến công tác làm thủ tục chốt sổ BHXH, chế độ BHTN…

 Kết quả thực hiện công tác chế độ chính sách đối với CBCNV trong năm 2012:

 Đã giải quyết đầy đủ cho 07 người hưởng chế độ thai sản và dưỡng sức, 05 chế độ ốm đau và 03 chế độ BH thân thể

 Thực hiện mua bảo hiểm thân thể cho 43 CBCNV Công ty, giải quyết các chế độ và quyền lợi khi có phát sinh.

 Tổ chức khám sức khỏe định kỳ đối với toàn thể CBCNV tại BV XD HN

 Tổ chức thi nâng bậc và chuyển ngạch lương năm đối với: 36 CBCNV.

Trong đó:

 Chuyển ngạch lương: 03 cán bộ

 Nâng bậc lương: 22 cán bộ (Cán bộ gián tiếp)

 Tổ chức thi và nâng bậc lương: 10 công nhân (lái xe, lái ủi, thợ)

 Nâng bậc lương thợ bậc cao: 01 cán bộ

Tại các đơn vị trực thuộc như XN1, đội TH4: Thực hiện chi trả tiền ăn ca theo quy định cũng như thực hiện các chế độ phụ cấp khu vực đối với LĐ đầy đủ, chu đáo.

1. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

# Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm Công ty không đầu tư lớn vào các dự án và đầu tư tài chính.

1. Các công ty con, công ty liên kết:

Từ năm 2011, Công ty đã thành lập Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh tại xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện dự án khai thác mỏ đá Nhà Lương tại huyện Nghi Xuân – Hà Tĩnh. Công ty cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh có vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng, do Công ty cổ phần Sông Đà 909 cam kết góp 51% vốn điều lệ. Việc góp vốn điều lệ được thực hiện từ năm 2011. Ngoài ra Công ty Sông Đà Hồng Lĩnh được chủ động tìm kiếm các công việc phù hợp khác để đảm bảo giá trị kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Cụ thể là tham gia thi công nhà Trụ sở Công ty Cổ Phần Sông Đà 909, nhà văn hóa Xuân Viên và các công trình khác.

1. *Tình hình tài chính*
2. Tình hình tài chính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm |
| Tổng giá trị tài sản | 224.009.921.557 | 212.555.696.826  | -5 |
| Doanh thu thuần | 106.294.331.840 | 121.149.160.118  | 14 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (4.332.347.042)  | 9.350.294.843  | -316 |
| Lợi nhuận khác  | 4.892.493.858 | (6.706.938.791) | -237 |
| Lợi nhuận trước thuế | 560.146.816 | 2.643.356.052 | 372 |
| Lợi nhuận sau thuế | 320.665.836 | 2.146.073.583 | 569 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | 0 |

1. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Ghi chú |
| *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** Hệ số thanh toán ngắn hạn:

TSLĐ/Nợ ngắn hạn* Hệ số thanh toán nhanh:

TSLĐ - Hàng tồn khoNợ ngắn hạn | 1,670,88 | 1,881.21 |  |
| *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** Hệ số Nợ/Tổng tài sản
* Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu
 | 0,3970,657 | 0,3540,549 |  |
| *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** Vòng quay hàng tồn kho:

Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân* Doanh thu thuần/Tổng tài sản
 | 1,3400,475 | 1,5710,570 |  |
| *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần
* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
* Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần
 | 0,0030,0020,001-0,041 | 0,0180,0160,010,077 |  |

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.496.929 cổ phần.

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 12.496.929 cổ phần.

Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật là: 0 cổ phần

1. Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo giấy đăng ký kinh doanh số 0101405355 cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 22/01/2013 như sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Số tiền (VNĐ)** | **Tỷ lệ (%)** |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9  | 31.934.750.000 | 25,55 |
| Ông Phan Văn Hùng  | 6.350.220.000 | 5,08 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn  | 403.760.000 | 0,32 |
| Cổ đông khác  | 86.280.560.000 | 69,05 |
| **Cộng** | **124.969.290.000** | **100** |

1. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

+ Phương án tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng đã được ĐHCĐ thường niên năm 2012 thông qua như sau :

Giai đoạn 1: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 2.499.740 cổ phiếu.

Giai đoạn 2: Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV 7.501.300 cổ phiếu.

Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc giai đoạn 1: 124.987.000.000 đồng

+ Tình hình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng như sau :

Giai đoạn 1: Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 2.497.969 cổ phiếu ngay trong quý II/2012. Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2012 là: 124.969.260.000 đồng.

Giai đoạn 2: Đến nay Công ty chưa thực hiện được do thị trường chứng khoán liên tục suy giảm, giá cổ phiếu của Công ty bình quân trong năm 2012 là dưới mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu nên không thể thực hiện được. Ngoài ra mục đích sử dụng số tiền thu được cũng thay đổi do tình hình kinh tế trong và ngoài nước khó khăn dẫn đến việc thực hiện các dự án đầu tư hấp thụ vốn huy động như Dự án Thuỷ điện Phình Hồ dừng thực hiện trong tháng 12/2012, dự án mỏ đá Nhà Lương phải giãn tiến độ, dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công cũng không thực hiện được do chưa tìm kiếm được nhiều công việc mới …

1. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty không có cổ phiểu quỹ.
2. Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành các chứng khoán khác trong năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu năm 2012:

- Tổng giá trị SXKD năm 2012 là 116,230tỷ đồng/KH 134,235 tỷ đồng đạt 86,59 %,giảm 17,31% so với năm 2011(140,559 tỷ đồng).

- Doanh số năm 2012 là 139,174 tỷ đồng/KH 158,708 tỷ đồng đạt 87,69%, tăng 10,12% so với năm 2011 (126,381 tỷ đồng).

- Tiền về tài khoản năm 2012 là 105,903 tỷ đồng/KH 130,0 tỷ đồng đạt 81,46 %.

- Lợi nhuận năm 2012 là 2,643 tỷ đồng/KH 4,519 tỷ đồng đạt 58,49% tăng 371,9% so với năm 2011 (0,560 tỷ đồng).

- Thu nhập bình quân năm 2012 là 6,4 triệu đồng/KH 6,77 triệu đồng đạt 94,54%.

- Giá trị dở dang đến ngày 31/12/2012 là: 54,551 tỷ đồng.

- Khối lượng thi công chủ yếu: Khối lượng đào xúc vận chuyển đất đá thực hiện năm 2012 là 1.850.556m3.

Trong đó:

Thủy điện Lai Châu là 1.718.486m3 (Bóc phủ mỏ đá 1B: 789.892m3; Cấp đá nghiền sàng: 515.582m3 và các hạng mục khác: 413.012 m3).

Thủy điện Nậm Chiến là 132.070 m3.

Kết luận:

*+ Những việc làm được*:

Năm 2012 là một năm khó khăn nhưng Công ty cũng đã cố gắng thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận thực tế vượt kế hoạch năm, do phải giảm trừ chi phí của Dự án thủy điện Phình Hồ nên lợi nhuận năm 2012 còn 58,49% KH.

*+ Những tồn tại*:

Trong năm 2012 mặc dù công nợ và giá trị dở dang đã giảm so với năm 2011 nhưng vẫn còn lớn, nguyên nhân do Chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc về khối lượng, biện pháp và dự toán một số công trình chậm nên việc nghiệm thu thanh toán chưa kịp thời trong năm 2012, phải chuyển sang tháng 01/2013 giá trị nghiệm thu lên phiếu giá thanh toán 20 tỷ đồng (Thanh toán khối lượng phần mở rộng mỏ đá 1B: 15tỷ đồng; Đào vai trái tại thủy điện Lai Châu: 1,3 tỷ đồng; Quyết toán mỏ đá bản Pênh 2 và thanh toán đập vật liệu địa phương tại thủy điện Sơn La: 3,7 tỷ đồng). Giá trị công nợ còn lớn do một số công trình Chủ đầu tư chưa có vốn để giải ngân như công trình thủy điện Nậm Chiến...

* Những tiến bộ công ty đã đạt được.

Trong tình hình kinh tế suy thoái Công ty đã chủ động cơ cấu bộ máy sản xuất, định hướng tốt các chiến lược, tiếp thị, công tác quản lý, giám sát thực hiện đảm bảo ổn định, duy trì sản xuất, chăm lo đến đời sống cán bộ công nhân viên.

1. *Tình hình tài chính*
2. Tình hình tài sản

**Tài sản cố định hữu hình** *Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản mục** | **Máy móc thiết bị** | **Phương tiện vận tải, truyền dẫn** | **Thiết bị dụng cụ quản lý** | **Cộng** |
| **Nguyên giá**  |
| Số dư đầu năm  | 36.422.386.079  | 37.949.858.973  | 1.044.147.576  | 75.416.392.628  |
| Tăng trong năm  | 23.636.364  | 27.636.364  | 63.436.363  | 114.709.091  |
| Mua sắm mới  | 23.636.364  | 18.636.364  | 63.436.363  | 105.709.091  |
| Giảm trong năm  | -  | 1.330.621.501  | -  | 1.330.621.501  |
| T.lý, nhượng bán  | -  | 1.330.621.501  | -  | 1.330.621.501  |
| Số dư cuối năm  | 36.446.022.443  | 36.637.873.836  | 1.107.583.939  | 74.191.480.218  |
| Giá trị hao mòn  |
| Số dư đầu năm  | 24.710.151.316  | 26.299.720.002  | 902.400.888  | 51.912.272.206  |
| Tăng trong năm  | 2.940.012.471  | 3.227.964.866  | 85.845.889  | 6.253.823.226  |
| Khấu hao trong năm  | 2.940.012.471  | 3.218.964.866  | 85.845.889  | 6.244.823.226  |
| Giảm trong năm  | -  | 1.330.621.501  | -  | 1.330.621.501  |
| Thanh lý nhượng bán  | -  | 1.330.621.501  | -  | 1.330.621.501  |
| Số dư cuối năm  | 27.650.163.787  | 28.188.063.367  | 988.246.777  | 56.826.473.931  |
| Giá trị còn lại  |
| Tại ngày đầu năm  | 11.712.234.763  | 11.650.138.971  | 141.746.688  | 23.504.120.422  |
| Tại ngày cuối năm  | 8.795.858.656  | 8.449.810.469  | 119.337.162  | 17.365.006.287  |

**Danh mục số lượng xe máy, thiết bị thi công hiện có**

| TT | Tên xe máy | Ký hiệu | Số l­ượng (chiếc) | N­ước sản xuất | Năm BĐSD | Chất l­ượng còn lại (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|  |
| I | Ô tô vận chuyển |  |  |  |  |  |
| 1 | Ôtô vận tải ben Huyndai *(loại 15T)* | HD270 | 25 | Hàn Quốc | 1998-2004 | Khá |
| 2 | Ôtô vận tải ben Dongfeng *(loại 19T)* | Dongfeng | 10 | Trung Quốc | 2007-2008 | Tốt |
| 3 | Ôtô vận tải Ben Huyndai *(loại 15T)* | HD270 | 10 | Hàn Quốc | 2010 | Tốt |
| 4 | Ôtô ben tự đổ *(loại 4,6T)* | Cửu Long | 1 | Trung Quốc | 2008 | Tốt |
| II | Máy công trình |  |  |  |  |  |
| A | Máy xúc |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy Xúc KOBELCO | SK 200 -1 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 2 | Máy xúc Komatsu  | PC220 – 5 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 3 | Máy Xúc VOLVO | EC360 BLC | 6 | Thụy Điển | 2004 | Tốt |
| 4 | Máy xúc Komatsu  | PC350-7 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 5 | Máy xúc CAT | PC350-7 | 2 | Nhật | 2010 | Tốt |
| 6 | Máy xúc bánh lốp Komatsu | 0,7 m3 | 1 | Nhật | 2010 | Tốt |
| B | Máy ủi  |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy ủi  | D6R | 1 | Nga | 1997 | Khá |
| 2 | Máy ủi  | D6R | 1 | Mỹ | 1998 | Khá |
| 3 | Máy ủi KOMATSU | D40P - 3 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 4 | Máy ủi KOMATSU | D65P - 11 | 1 | Nhật | 2004 | Khá |
| 5 | Máy ủi KOMATSU | D65P – 17 | 1 | Nhật | 1990 | Tốt |
| 6 | Máy ủi KOMATSU | D53P | 1 | Nhật | 2010 | Tốt |
| C | Máy đầm, lu |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy đầm cóc  | TV5DF | 3 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 2 | Máy lu rung 14 tấn | CLG614 | 2 | Trung Quốc | 2008 | Tốt |
| 3 | Máy đầm cóc MIKASA | MIKASA | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| IV | Máy tổng hợp |  |  |  |  |  |
| 1 | Máy nén khí ABAB | B6000/270CT | 2 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 2 | Máy kinh vĩ  | THEO | 1 | Nhật | 2003 | Khá |
| 3 | Máy thuỷ chuẩn |  | 1 | Nhật | 2003 | Khá |
| 4 | Máy trộn bê tông | 01 | 3 | Việt Nam | 2002-2008 | Tốt |
| 5 | Máy ép ty ô thuỷ lực | Finn – Power | 1 | Phần Lan | 2008 | Tốt |
| 6 | Máy phát điện 3 pha | 15Kw | 2 | Việt Nam | 2008 | Tốt |
| 7 | Máy toàn đạc | GTS751 | 2 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 8 | Máy san | GD31 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 9 | Máy toàn đạc điện từ | DTM352 | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 10 | Máy hàn chỉnh l­u | ARC 403 | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 11 | Máy phát điện 3 pha |  | 1 | Nhật | 2008 | Tốt |
| 12 | Máy nghiền sàng đá | CS 5m3/h | 1 | VN | 2009 | Tốt |
| 13 | Máy nghiền sàng đá | CS 20m3/h | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| 14 | Máy hút cát | CS 5m3/h | 1 | TQ | 2009 | Tốt |
| 15 | Máy trộn bê tong TQ | 250L | 2 | TQ | 2010 | Tốt |
| 16 | Máy nghiền sàng đá | CS 50m3/h | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| 17 | Trạm điện 35KV | 35KV | 1 | VN | 2010 | Tốt |
| V | Xe ôtô phục vụ |  |  |  |  |  |
| 1 | Xe ôtô 7 chỗ Prado  | TOYOTA | 1 | Nhật | 2011 | Tốt |
| 2 | Xe ôtô 7 chỗ V6 | Mitshubishi | 1 | Nhật | 2003 | Tốt |
| 3 | Xe ôtô 5 chỗ, bán tải  | Ford Ranger | 1 | Liên doanh | 2004 | Tốt |
| 4 | Xe ôtô 5 chỗ, bán tải  | Ford Ranger | 1 | Liên doanh | 2006 | Tốt |
| 5 | Xe ôtô 7 chỗ  | Ford Everrest | 1 | Liên doanh | 2007 | Tốt |
| 6 | Xe ôtô 7 chỗ G2.0 | Innova | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 7 | Xe ôtô 7 chỗ  | Santafe | 1 | Nhật | 2007 | Tốt |
| 8 | Xe ôtô 4 chỗ  | Uóat | 1 | Nga | 2004 | Tốt |
| 9 | Xe ôtô 4 chỗ  | Uóat | 1 | Nga | 2004 | Tốt |
| 10 | Xe ôtô 4 chỗ  | Mazda | 1 | Nhật | 1996 | Tốt |
| 11 | Xe khách 30 chỗ  | Hải âu | 1 | LD | 2005 | Tốt |
| 12 | Xe máy SYM | SYM | 2 | Hàn Quốc | 2008 | Tốt |
| 13 | Xe máy Sunfat | TQ | 2 | TQ | 2009 | Tốt |

Trong năm Công ty chưa thực hiện đầu tư mới tài sản cố định, nhằm khai thác triệt để năng lực tài sản hiện có, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Tình hình nợ phải trả
* Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Công nợ phải trả đầu năm là 88.832.607.136; số cuối năm 2012 là 75.324.626.997 giảm 17,9%. Trong năm không có sự biến động lớn các khoản nợ quá hạn hay nợ xấu. Phần nợ chủ yếu là nợ vay ngắn hạn ngân hàng phục vụ vốn lưu động, nợ nhà cung cấp tiền vật tư nhiên liệu phục vụ thi công, nợ CBCNV ... và đơn vị đã thực hiện đầy đủ cam kến nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác ngân hàng và nhà cung cấp vật liệu đầu vào.

* Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Năm 2012 Công ty không phát sinh nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

3.1 Những việc đã làm được:

a. Công tác tổ chức đào tạo:

- Rà soát lại nhân sự toàn Công ty, xác định nhân sự dôi dư, xin ý kiến HĐQT và đề xuất kiện toàn, tái cấu trúc lại các bộ phận trong giai đoạn 2013-2015. Sát nhập Đội xe, đội máy thành Đội Cơ giới Xí nghiệp 1. Thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều động cán bộ theo yêu cầu công việc phù hợp với công tác SXKD của Công ty.

- Duy trì công tác báo cáo và giao việc thực hiện hàng tuần, tháng. Ổn định tổ chức thực hiện quản lý tới từng Phòng Ban, đơn vị trên cơ sở giao việc và giám sát việc phân giao công việc thực hiện cụ thể từ Phòng Ban đến các nhân viên.

- Thực hiện đúng các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi đối với CBCNV trong toàn Công ty theo thực tế phát sinh và theo quy định hiện hành.

b. Công tác Kinh tế - Kế hoạch:

* Công tác Hợp đồng được thực hiện theo các văn bản Pháp luật hiện hành của Nhà nước và của Công ty cổ phần Sông Đà 909.
* Thực hiện xiết chặt quản lý chi phí trên cơ sở Dự toán chi phí đã được phê duyệt.
* Quyết toán xong công trình đường ĐT 176 đoạn Đèo Gà - Chiêm Hóa.
* Phân tích kết quả SXKD năm 2012 đến từng khoản mục chi phí trên cở sở định mức đơn giá nội bộ của Công ty so với thực tế thực hiện, phần giá trị thực hiện của Xí nghiệp 1 tại công trình thủy điện Lai Châu và Nậm Chiến.
* Lập và giao kế hoạch SXKD hàng tháng, quý cho các đơn vị.
* Lập báo cáo kết quả hoạt động SXKD theo quy định tháng, quý trình HĐQT hàng quý năm 2012. Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty.
* Làm việc với Chủ đầu tư và hoàn thiện ký PLHĐ bổ sung điều chỉnh giá gói thầu R4-3 đường Nam Quảng Nam.
* Đã quyết toán xong một số hạng mục tại công trình thủy điện Sê San 4 và Pleikrông.

c. Công tác KTTC-AT:

- Công tác quản lý kỹ thuật tại các công trình Công ty đang thi công cơ bản đã đồng bộ, giữa Công ty và đơn vị thi công.

- Thực hiện đầy đủ các quy chế về an toàn lao động và bảo hộ lao động cho người lao động trên các công trình. Thường xuyên kiểm tra chấn chỉnh công tác an toàn phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Công tác Dự án đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý các dự án đầu tư.

- Đã quyết toán xong công trình đường ĐT176 đoạn Đèo Gà - Chiêm Hóa.

- Quyết toán khối lượng xong Gói thầu số 15 (LC.15-GT) đường TL 127.

d. Công tác TCKT:

*-* Thực hiện quy chế phân cấp quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh từ Công ty đến đơn vị trực thuộc.

- Phân tích đánh giá các thành phần chi phí và lập các báo tài chính theo quy định.

- Tập hợp chi phí đầy đủ làm cơ sở cho việc phân tích hạch toán chi phí SXKD để có những điều chỉnh cho hợp lý.

- Thực hiện công tác kiểm toán theo đúng luật, quy định. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định về kế toán hiện hành của Nhà nước.

- Làm việc với các Ngân hàng vay vốn phục vụ công tác SXKD của Công ty.

e. Công tác quản lý cơ giới:

- Các báo cáo nghiệp vụ về công tác cơ giới đã có sự theo dõi và kiểm soát nhất định.

- Duy trì công tác tổ chức sửa chữa hiện trường, quy trình bảo dưỡng xe máy. Công tác kiểm tu được làm thường xuyên từng ca.

- Thực hiện đúng quy trình về quản lý xe máy, thiết bi.

- Công tác sửa chữa lớn đã thực hiện được 14 chiếc/kế hoạch 21 chiếc, giá trị được 3,376 tỷ đồng/kế hoạch 5,3 tỷ đồng đạt 64% kế hoạch đề ra.

f. Các dự án đầu tư:

*\* Dự án Tân Vạn:* Liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ nhưng chưa có kết quả.

*\* Dự án Ngọc Khánh:*

- Thoả thuận quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ vẫn chưa thực hiện được do chính sách thay đổi. Hiện tại đã làm các việc sau:

* Xin ý kiến Bộ Xây dựng về quy hoạch tổng mặt bằng dự án.
* Cập nhật thông tin quy hoạch dự án vào quy hoạch phân khu đường Nguyễn Chí Thanh - Giảng Võ: hiện nay đã cung cấp thông tin cho Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội.
* Bám sát Sở QHKT quy hoạch phân khu: UBND Thành phố đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu các quận nội thành.
* Tìm hiểu thông tin các dự án cải tạo chung cư cũ khác trên địa bàn Hà Nội.
* Dự án để xây dựng quỹ nhà tạm cư:

- Quản lý quỹ nhà tạm cư: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng. Thực hiện việc bán nhà tạm cư phục vụ cân đối tài chính thông qua quảng cáo, đăng lên mạng tìm người mua nhưng chưa có kết quả.

- Tìm hiểu, thu thập thông tin các hộ dân trên khu vực dự án Ngọc Khánh: thường xuyên liên hệ với Quận, Phường tìm hiểu thông tin.

*\* Dự án Vĩnh Hồ:*

Làm việc với UBND Thành phố và bám Sở QHKT Hà Nội đưa dự án vào danh sách thực hiện đợt 3. Hiện nay Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đang quy hoạch phân khu Quận Đống Đa.

*\* Dự án Văn phòng công ty:*

Hiện nay đang tập trung hoàn thiện Văn phòng, dự kiến đầu quý II năm 2013 công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng.

*\* Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:*

 *Dự án mỏ đá Nhà Lương:*

Năm 2012 Công ty đã hoàn thiện thủ tục pháp lý và triển khai thi công phần hạ tầng khu tái định cư để phục vụ công tác GPMB mỏ đá.

*Dự án mỏ đất Núi Chua:*

Công ty đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý trình UBND tỉnh Hà Tĩnh xin cấp phép khai thác, chế biến mỏ đất san lấp và đá xây dựng Núi Chua nhưng đến nay vẫn chưa được tỉnh cấp phép.

*\* Dự án thủy điện Phình Hồ:*

Dự án thủy điện Phình Hồ đã được cấp phép đầu tư từ năm 2007, khi dự án được thực hiện thì giá cả có nhiều biến động dẫn tới Tổng mức đầu tư tăng cao, trong khi giá bán điện đối với các dự án thủy điện nhỏ không tăng và khi lập Dự án đầu tư đơn vị tư vấn đã không làm tốt nhiệm vụ dẫn tới không chỉ ra cho Công ty thấy rõ bản chất thực của dự án, tính hiệu quả và khả thi của dự án. Vì các nguyên nhân chủ quan, khách quan và để phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động bình thường, giải quyết giá trị dở dang, giảm chi phí và tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm, Tổng Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 909 và được Hội đồng quản trị đồng ý quyết định chấm dứt đầu tư dự án thủy điện Phình Hồ và giao cho Ban Tổng giám đốc thực hiện các nội dung như sau:

* Chấm dứt đầu tư dự án thủy điện Phình Hồ kể từ ngày 15/12/2012.
* Thông báo chấm dứt đầu tư dự án và hoàn tất các thủ tục chấm dứt thực hiện dự án với các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành.
* Xử lý toàn bộ các khoản chi phí đã chi ra như khảo sát, lập dự án, thiết kế cơ sở, thẩm định, thiết kế bản vẽ thi công, đền bù giải phóng mặt bằng, các hạng mục đường phục vụ thi công … và chi phí hoạt động của Ban quản lý dự án từ lúc chuẩn bị dự án đến nay, hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh tại thời điểm HĐQT phê duyệt chấm dứt đầu tư dự án.
* Xử lý các khoản công nợ tạm ứng, hợp đồng dở dang với khách hàng cung cấp dịch vụ, vật tư, hàng hóa để thực hiện dự án được thực hiện theo hướng tiếp tục đàm phán với đối tác để nghiệm thu, thanh toán các phần việc đã thực hiện. Các phần việc chưa thực hiện thì đàm phán với đối tác dừng cung cấp do nguyên nhân dừng dự án, các chi phí liên quan (nếu có) được tiếp tục hạch toán vào chi phí kinh doanh tại thời điểm hoàn thành chi phí đó.
* Xử lý toàn bộ các tồn tại khác do chấm dứt thực hiện dự án như vật tư, hàng hóa, trang thiết bị, dụng cụ, tài sản khác đã hình thành trong quá trình thực hiện dự án và người lao động theo hướng điều chuyển về Công ty tiếp tục sử dụng và giải quyết các chính sách, chế độ liên quan cho người lao động theo quy định hiện hành.

*\* Các dự án khác:*

- Sàn giao dịch bất động sản: Thường xuyên tìm các sản phẩm môi giới đăng thông tin lên mạng, cập nhật thông tin lên trang web của sàn. Nghiên cứu phương án cho người nước ngoài thuê văn phòng nhà ở.

- Tìm kiếm các dự án thi công: Thường xuyên tìm hiểu thông tin dự án hạ tầng trên địa bàn Hà Nội và các quận Ba Đình, Đống Đa, dự án nước sạch Hà Tĩnh, các dự án chống biến đổi khí hậu, dự án mỏ đá ốp lát Bình Định, các dự án trên địa bàn Phú Thọ, dự án đào đất tầng hầm khu đô thị Kim Văn - Kim Lũ.

g. Công tác đấu thầu:

Trong năm 2012, Công ty có nghiên cứu một số công trình để đấu thầu và tham gia đấu thầu các gói thầu số 04XL, số 07XL và số 12XL - Xây dựng đường Mường Tè - Pắc Ma nhưng không trúng thầu vì có các nhà thầu bỏ giá rất thấp giảm giá đến 22% so với giá gói thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

h. Công tác kinh doanh khác:

Trong quý IV và năm 2012, công tác kinh doanh khác như XKLĐ, kinh doanh chứng khoán vẫn không thực hiện được do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

3.2. Những mặt tồn tại:

*- Công tác tổ chức đào tạo:*

+ Trong năm 2012 nói chung công tác đào tạo chưa triển khai, cán bộ chủ yếu tự túc học nâng cao, học lên ngoài giờ làm việc.

+ Công tác làm thủ tục chốt sổ BHXH, chế độ BHTN cho CBCNV còn chậm do trong năm 2012 việc thực hiện thanh toán cho cơ quan BHXH chưa kịp thời.

+ Công tác định biên nhân sự được thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, bộ phận gián tiếp ở một số đơn vị còn cồng kềnh chưa hiệu quả.

- Công tác Kinh tế - Kế hoạch:

+ Công tác thu hồi vốn trong quý IV thực hiện chưa tốt, giá trị dở dang toàn Công ty đến ngày 31/12/2012 còn lớn 54,551 tỷ đồng.

+ Công tác điều chỉnh giá ở gói thầu số 15 (LC.15-GT) tại Lai Châu chưa thực hiện được.

+ Công tác phê duyệt Dự toán hạng mục gia cố mái đào bờ trái tại công trình thủy điện Sơn La và dự toán mỏ đá 1B tại Lai Châu còn chậm.

+ Công tác thanh, quyết toán các hạng mục tại thủy điện Sơn La: mỏ đá bản Pênh 2, Gia cố mái đào vai phải, gia cố mái đào bờ trái và đập vật liệu địa phương còn chưa được thực hiện do Chủ đầu tư chưa ban hành đơn giá và chưa thanh toán.

+ Chưa quyết toán dứt điểm các hạng mục tại thủy điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.

- Công tác KTTC-AT:

+ Việc phối hợp giữa các đơn vị về thống nhất lập tiến độ và BPTC làm việc với Chủ đầu tư còn chậm.

+ Công tác nghiệm thu thanh toán còn chậm như: một số hạng mục thi công tại thuỷ điện Lai Châu và công tác quyết toán khối lượng tại gói thầu R4-3.

+ Công tác quyết toán các hạng mục còn lại tại công trình thủy điện Sơn La còn chậm trễ.

+ Công tác kiểm tra và giám sát, phối hợp thực hiện các công việc tiếp theo tại dự án mỏ đá Nhà Lương còn chậm chưa được kịp thời.

Công tác TCKT:

+ Giá trị công nợ phải thu của Công ty còn lớn dẫn đến thiếu vốn phục vụ công tác SXKD, trả nợ ngân hàng không đúng hạn. Báo cáo quản trị chưa được kịp thời.

+ Công tác thu hồi công nợ của Công ty cổ phần Sông Đà 2 chưa đem lại hiệu qủa.

*- Công tác quản lý cơ giới:*

+ Khai thác và sử dụng tài sản hiện có tại đơn vị chưa đem lại hiệu quả cao, công tác quyết toán nhiên liệu thực hiện chậm chưa kịp thời.

+ Công tác cân đối xe máy thiết bị phục vụ thi công chưa hiệu quả.

+ Công tác sửa chữa lớn thực hiện chậm. Xe máy thiết bị hỏng hóc nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chi phí VTPT lớn.

+ Việc áp dụng công nghệ thông tin vào Quản lý cơ giới bằng phần mềm chưa được thực hiện triệt để và không theo kịp với thực tế và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý của Ban Tổng giám đốc đề ra.

* *Các dự án đầu tư:*

+ Dự án Khu đô thị Ngọc Khánh, khu đô thị Vĩnh Hồ và Dự án Tân Vạn chưa thực hiện được do nền kinh tế bị suy thoái.

+ Dự án mỏ đá Nhà Lương tại Hà Tĩnh triển khai chậm vì nền kinh tế chưa có dấu hiệu hồi phục nên việc bỏ vốn ra đầu tư trong giai đoạn này sẽ không đem lại hiệu quả, hơn nữa để giảm thiểu chi phí đầu tư mà Chủ đầu tư phải bỏ ra để GPMB nên Công ty đang xem xét để ghép vào chương trình nông thôn mới của huyện.

3.3. Nguyên nhân của những tồn tại:

- Công tác tổ chức đào tạo:

Vì hiện tại các công trình, dự án mới đang trong quá trình tìm kiếm chưa có để triển khai, mặt khác khối lượng công việc ở các công trình thủy điện Lai Châu, Nậm Chiến, gói thầu R4-3 và gói thầu số 15 tại Lai Châu còn ít, trong khi đó Công ty phải có chính sách để giữ nhân sự khi các công trình mới được triển khai.

- Công tác Kinh tế - Kế hoạch: Giá trị dở dang của Công ty còn lớn do:

+ Công tác điều chỉnh giá các công trình thực hiện còn chậm:

Gói thầu số 15(LC.15-GT): Do chưa có chủ trường điều chỉnh giá từ Chủ đầu tư nên gói thầu vẫn chưa được quyết toán.

Công tác điều chỉnh giá tại công trình thủy điện Sơn La, Lai Châu chưa được kịp thời.

+ Công tác thu vốn:

* Công trình thủy điện Lai Châu do việc phê duyệt thiết kế, dự toán các hạng mục công trình chưa được kịp thời, đặc biệt là mỏ đá 1B ảnh hưởng đến công tác thu vốn.
* Gói thầu R4-3 đường Nam Quảng Nam: Đã ký xong PLHĐ điều chỉnh giá, hiện tại đang làm quyết toán khối lượng.
* Công tác thu phủ đơn giá cấp đá nghiền sàng với các đơn vị Chi nhánh Sông Đà 704 và Sông Đà 508 còn chậm do đơn giá công trình mới ban hành tháng 11 nên chưa làm việc được với các đơn vị.
* Công trình thủy điện Sơn La: Thực hiện thanh, quyết toán chậm do Chủ đầu tư chưa ban hành đơn giá công trình năm 2011 nên công tác quyết toán các hạng mục gia cố vai phải…chưa thực hiện được.

*- Công tác KTTC - AT:*

+ Công tác kỹ thuật chưa đạt hiệu quả cao do công tác thi công và nghiệm thu thanh toán và quyết toán các công trình chưa đạt kế hoạch đề ra.

+ Công tác quyết toán: Một số công trình cũ đã thi công xong Chủ đầu tư chưa quyết toán. Còn một số hạng mục đã thi công xong tại thuỷ điện Sơn La chưa thực hiện quyết toán được vì phải chờ Chủ đầu tư phê duyệt dự toán. Gói thầu số 15 (LC.15-GT) chờ Ban A điều chỉnh giá và Gói thầu R4-3 đang quyết toán.

+ Cán bộ làm công tác kỹ thuật cần chủ động hơn để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thi công cũng như nghiệm thu quyết toán đặc biệt là công tác phối hợp với Ban điều hành làm việc với Ban A để phê duyệt khối lượng, biện pháp và dự toán các hạng mục.

*- Công tác quản lý cơ giới:*

+ Công tác cơ giới quản lý thiếu sự chủ động chưa có tham mưu đề xuất các phương án cụ thể để triển khai công tác này đạt hiệu quả và việc lập, hoàn thiện hồ sơ sửa chữa lớn rất chậm.

+ Xe máy thiết bị hỏng nhiều, chi phí vật tư phụ tùng sửa chữa còn lớn.

+ Công tác đánh giá lại toàn bộ chất lượng xe máy hiện có, lượng tiêu hao nhiên liệu, thời gian sử dụng của các loại vật tư xe, thiết bị chưa được kịp thời, công tác này cần kiểm soát chặt chẽ để có chỉnh sửa cho phù hợp với tính chất công việc tại công trình để tiết kiệm chi phí.

*- Công tác TCKT:*

+ Công tác thu hồi công nợ chậm: Do khó khăn chung từ nền kinh tế phần lớn công nợ của Công ty tập trung chủ yếu từ Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La và Lai Châu một số BQL điện khác cụ thể:

* Công trình thủy điện Nậm Chiến: Chưa thu hồi được công nợ do Chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn.
* Công trình thủy điện Sơn La: Các hạng mục khác chưa nghiệm thu, thanh quyết toán được còn lại khoản tiền giữ lại chờ quyết toán công trình nên chưa thu hồi được.

+ Việc thu hồi công nợ không đạt kế hoạch đề ra vì dòng tiền về từ các công trình bị chậm do vậy Công ty trả nợ ngân hàng không đúng hạn dẫn đến khó khăn trong việc tiếp tục vay vốn từ Ngân hàng để phục vụ SXKD.

* *Các dự án đầu tư:*

+ Các dự án: Khu đô thị Ngọc Khánh, khu đô thị Vĩnh Hồ thực hiện chậm do cơ chế chính sách của Nhà nước thay đổi và do thị trường bất động sản rơi vào suy thoái.

+ Dự án Tân Vạn: Do suy thoái của nền kinh tế.

+ Dự án mỏ đá Nhà Lương: Do trong giai đoạn này nguồn vốn cho thực hiện đầu tư rất hạn chế vì vậy Công ty phải xem xét nghiên cứu và đề xuất phương án thực hiện công tác GPMB để phối hợp và lồng ghép với đề án nông thôn mới của huyện để giảm thiểu chi phí đầu tư.

1. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

A. Công tác xây lắp:

+ *Mục tiêu tiến độ thi công của các công trình trong năm 2013*:

* Công trình thuỷ điện Lai Châu: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B và vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.381.000m3 đất đá các loại, thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* Gói thầu R4-3 thi công xây dựng đường Nam Quảng Nam (giai đoạn 1):Hoàn thiện quyết toán công trình.

- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu: Làm việc với Ban A thực hiện công tác điều chỉnh giá và thực hiện quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư.

- Công trình mới: Tìm kiếm thêm công việc làm tại công trình thủy điện Lai Châu và các công trình mới về lĩnh vực xây lắp tại địa bàn các tỉnh Hà Nội, Phú Thọ và Sóc Trăng để thực hiện.

1. Công tác nghiệm thu, thanh toán:

Tập trung trong công tác thu vốn và thu hồi công nợ cụ thể:

*1.1 Công tác nghiệm thu, thu vốn:*

*\* Công tác kỹ thuật:*

- *Công trình thủy điện Lai Châu:* Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế Dự toán hạng mục mỏ đá 1B để có cơ sở thanh toán.

- *Công trình thủy điện Nậm Chiến:* Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán các hạng mục (Nạo vét suối Chiến, Trạm OPY…). Làm nghiệm thu thanh toán đợt 4 hạng mục Nạo vét suối Chiến và nghiệm thu quyết toán khối lượng các hạng mục đã thi công.

- *Công trình thủy điện Sơn La:* Tập trung làm việc với ban A và các đơn vị để quyết toán dứt điểm các hạng mục còn lại tại công trình này (15 hạng mục quyết toán cùng các đơn vị trong Tổng công ty Sông Đà và 02 mục quyết toán với Ban A).

 *- Gói thầu R4-3đường Nam Quảng Nam:* Quyết toán xong khối lượng với Ban quản lý dự án đường Nam Quảng Nam.

*- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu:* Làm việc với Ban A về công tác điều chỉnh giá gói thầu, thực hiện phân chia khối lượng thi công theo từng thời điểm để làm cơ sở thực hiện điều chỉnh giá gói thầu.

- Các công trình cũ: Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.

*\* Công tác kinh tế:*

- *Công trình thủy điện Lai Châu:*

+ Làm việc và đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế Dự toán hạng mục mỏ đá 1B để thu vốn.

+ Làm việc với Ban điều hành và các đơn vị Sông Đà 704 và 508 để thống nhất đơn giá thanh toán phủ giá trị cấp đá nghiền sàng tại thủy điện Lai Châu.

- *Công trình thủy điện Nậm Chiến:* Làm việc với BĐH thủy điện Sơn La và Công ty cổ phần thủy điện Nậm Chiến đôn đốc Chủ đầu tư phê duyệt dự toán các hạng mục và thanh, quyết toán các hạng mục đã thi công.

- *Công trình thủy điện Sơn La:* Thanh, quyết toán các hạng mục còn lại tại công trình này. Phối hợp với Chi nhánh Sông Đà 908 làm việc với Ban A phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục Gia cố mái đào thu dọn lòng sông đợt 1 và quyết toán hạn mục Gia cố vai phải khi Chù đầu tư ban hành đơn giá công trình.

*- Gói thầu R4-3 đường Nam Quảng Nam:* Hoàn thiện quyết toán gói thầu.

*- Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu:* Làm việc với Ban A về công tác điều chỉnh giá gói thầu, lập dự toán và trình Ban A phê duyệt. Thanh quyết toán dứt điểm gói thầu này.

- Các công trình cũ : Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang.

*1.2. Công tác thu hồi công nợ*:

Theo dự báo năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn, vì vậy công tác thu hồi công nợ được đặc biệt quan tâm và xây dựng phương án cụ thể để thực hiện đem lại hiệu quả. Bám sát các Chủ đầu tư, Ban điều hành dự án thuỷ điện Sơn La, Lai Châu và các đơn vị nhận cấp đá nghiền sàng SĐ508 và SĐ704 tại công trình thuỷ điện Lai Châu, thu hồi công nợ của Sông Đà 2 và Ban QLDA đường Nam Quảng Nam, các BĐH thủy điện Sê San 4, Pleikrong để thu tiền về phục vụ công tác SXKD của Công ty. Mục tiêu đề ra đến ngày 31/12/2013 giá trị công nợ phải thu còn 30,0 tỷ đồng.

*1.3. Công tác cơ giới*:

Trong năm 2013 công tác cơ giới được Ban Tổng giám đốc quyết liệt chỉ đạo, thanh lý xe máy thiết bị cũ (thanh lý 04 xe phục vụ; 15-:- 20 xe ô tô tải cũ và từ 03-:- 04 máy đào cũ) và đầu tư thêm xe máy thiết bị để nâng cao năng lực đồng thời tiết giảm chi phí. Tiến độ thực hiện chi tiết được Ban Tổng giám đốc xem xét và trình Hội đồng quản trị phê duyệt tại từng thời điểm phù hợp.

B. Mục tiêu các dự án đầu tư:

 Trong năm 2013, mục tiêu chính của Công ty là tìm kiếm công việc và tập trung nguồn lực vào công tác xây lắp, vì vậy các dự án đầu tư hiện tại của Công ty vẫn chưa được thực hiện, công tác dự án năm 2013 tiếp tục được theo dõi và bám sát các Sở, ban ngành nếu có cơ hội thực hiện thì Công ty xin chủ trương của HĐQT để thực hiện, cụ thể như sau:

*1 .Dự án Tân Vạn:*

Tiếp tục liên hệ các văn phòng đất đai, văn phòng tư vấn tìm phương án sang tên sổ đỏ chuyển nhượng dự án khi có đối tác.

*2. Dự án Ngọc Khánh và Dự án Vĩnh Hồ:*

- Bám sát các Sở, ban ngành Hà Nội theo dõi cập nhật thông tin dự án để khi có điều kiện thì thực hiện tiếp.

- Dự án nhà tạm cư: Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng chức năng phối hợp đề xuất phương án hợp lý trình HĐQT phê duyệt để chuyển nhượng đảm bảo hiệu quả SXKD của Công ty.

*3.* *Dự án mỏ vật liệu tại Nghi Xuân - Hà Tĩnh:*

*3.1. Dự án mỏ đá Nhà Lương:*

Trong giai đoạn này, việc triển khai dự án không đem lại hiệu quả vì vậy năm 2013 tạm dừng triển khai đầu tư để giữ và duy trì mỏ đá theo quy định của pháp luật để không bị thu hồi, kết hợp phân tích đánh giá lại toàn diện của dự án.

*3.2.Dự án mỏ đất Núi Chua:*

Tiếp tục làm việc với các cấp lãnh đạo để hoàn thiện xin cấp phép khai thác khoáng sản, mặt khác tìm kiếm mỏ thay thế theo chủ trương của thông báo số 513/TB-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Trần Minh Kỳ tại cuộc họp bàn về việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hồng Lĩnh.

*4. Dự án thủy điện Phình Hồ:* Thực hiện giải quyết dứt điểm các công việc với các đơn vị liên quan để hoàn thiện chấm dứt đầu tư dự án thủy điện Phình Hồ theo quyết định số 47A/S99-HĐQT-QĐ của HĐQT Công ty ký ngày 17/12/2012.

*5. Các dự án khác:*

Tìm kiếm các dự án thi công trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh, Sóc Trăng ...

- Dự án xây dựng văn phòng Công ty: Hoàn thành trong quý 1 năm 2013.

- Bám sát các dự án chống biến đổi khí hậu, các dự án y tế.

 - Bám sát các Ban quản lý dự án xin thông tin và dự án thi công phù hợp với năng lực.

- Nghiên cứu phát triển các ngành nghề mới, công việc mới về quản lý, thi công xây dựng để ứng dụng trong việc quản lý, thi công công trình nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

C. Công tác XKLĐ:

Công tác này vẫn chưa thực hiện được do trong năm 2013 nền kinh tế vẫn còn khó khăn và thực tế trong cả một thời gian dài Công ty vẫn chưa tìm kiếm được đơn hàng nào để triển khai thực hiện. Kế hoạch năm 2013, về nhân sự của Trung tâm XKLĐ thực hiện kiêm nhiệm để tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng tại các thị trường truyền thống và xây dựng phương án thực hiện phù hợp, khi có được đơn hàng Công ty sẽ sắp xếp và điều động nhân sự triển khai thực hiện đem lại hiệu quả.

D. Công tác kinh doanh khác:

Trong tình hình chung của nền kinh tế và sự khan hiếm nguồn vốn như hiện nay, công tác kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản tiếp tục được các Ban theo dõi và thực hiện khi có cơ hội và phù hợp với nguồn tài chính của Công ty.

1. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (BGĐ không giải trình do báo cáo kiểm toán chấp thuận toàn bộ)*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Những việc đã làm được:
	1. Định hướng:
		1. *Chiến lược:*
* Bám sát kế hoạch thi công trên các công trường, thực hiện mọi giải pháp thi công hiệu quả đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
* Quyết liệt triển khai các biện pháp đáp ứng yêu cầu nhanh chóng thu hồi công nợ và giảm dở dang trên các công trình;
* Hoàn thành các nhiệm vụ phục vụ việc tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2012.
	+ 1. *Tiếp thị dự án:*
* Cử cán bộ thường xuyên bám các dự án mới và thúc đẩy tích cực công tác tiếp thị dự án làm cơ sở cho việc đi tới ký kết các Hợp đồng trong năm 2013;
* Làm việc với đối tác các tỉnh thành trong cả nước, đặt vấn đề phối hợp triển khai các dự án lĩnh vực thi công xây lắp đáp ứng năng lực của Công ty;
* Mở rộng lĩnh vực tiếp thị đối với các ngành nghề khác tương đương.
	+ 1. *Quản lý:*
* Quản lý chặt chẽ vật tư, nhiên liệu, nhân công, giảm thiểu chi phí phát sinh tại các công trường thi công;
* Luôn cập nhật các phương án quản lý mới, hiện đại áp dụng trực tiếp vào điều hành sản xuất chung của Công ty.
	1. Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:
1. *Công tác Quản trị:*
* Chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả công tác điều hành thông qua các báo cáo quản trị hàng tháng của các bộ phận quản lý sản xuất trực tiếp;
* Đặt trọng tâm sắp xếp nhân sự và kiện toàn tổ chức toàn Công ty;
* Chỉ đạo rà soát các quy chế do HĐQT đã ban hành hiện áp dụng chưa hợp lý, từ đó tiến hành bổ sung, sửa đổi lấy ý kiến để phê duyệt ban hành;
* Đặt kế hoạch cụ thể và giám sát chặt dòng tiền, tiến hành thu vốn hiệu quả; đồng thời hoàn thiện tài liệu, phục vụ hiệu quả công tác nghiệm thu thanh toán, giảm giá trị dở dang trên các công trường;
* Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, nhất là giai đoạn kết thúc năm chuẩn bị đón tết nguyên đán.
1. *Giám sát thực hiện:*
* Căn cứ năng lực công tác và động viên, thúc đẩy khả năng sáng tạo đóng góp cho sự phát triển của Công ty, HĐQT đã phê duyệt thông qua thay đổi tăng mức lương của Kế toán trưởng trên cơ sở cân đối chi phí hợp lý;
* Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm tiếp theo, tiến hành cân đối lại các công trình dự án đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, từ đó đã tiến hành các thủ tục quyết định chấm dứt đầu tư đối với dự án Thủy điện Phình Hồ;
* Trên cơ sở cơ cấu nội bộ, sắp xếp nhân sự, phân chia công việc hợp lý, HĐQT Công ty đã phê duyệt Bổ nhiệm Ông Phan Mạnh Hiệp - hiện đang là Phó TGĐ làm Tổng Giám Đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2013;
* Tập trung thu vốn hiệu quả tại các công trình Lai Châu, Sơn La, Nậm Chiến và Nam Quảng Nam.
	1. Kết quả đạt được:

Kết quả SXKD của Công ty cả năm 2012 được phản ánh qua một số các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau:

Tổng giá trị SXKD :116,230 tỷ đồng/ KH 134,235 tỷ đồng đạt 86,59%.

Doanh số :139,174 tỷ đồng/ KH 158,708 tỷ đồng đạt 87,69%.

Tiền về tài khoản :105,903 tỷ đồng/ KH 130 tỷ đồng đạt 81,46%.

Lợi nhuận :2,643 tỷ đồng/ KH 4,519 tỷ đồng đạt 58,49%.

Thu nhập bình quân :6.400.699 đồng/ KH 6.770.404 đồng đạt 94,54%

1. Những việc chưa làm được:
	1. Định hướng:
		1. *Chiến lược:*
* Chỉ đạo chưa tốt công tác đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân vận hành tại cơ sở, từ đó chưa nâng cao được năng lực nhân sự cạnh tranh;
* Bộ máy hoạt động chung của Công ty từ gián tiếp đến trực tiếp tại VP Công ty, các đơn vị, bộ phận còn cồng kềnh, chưa thực sự hiệu quả;
* Việc phối hợp giữa các đơn vị về thống nhất lập tiến độ và BPTC làm việc với Chủ đầu tư còn chậm;
* Đã chỉ đạo và tổ chức giám sát tốt quá trình thu nợ, giảm dở dang trên các công trình, tuy nhiên kết quả đạt được chưa theo kế hoạch do cả các vấn đề khách quan và chủ quan đưa lại, đặc biệt vướng mắc từ Chủ đầu tư;
* Giá trị công nợ phải thu của Công ty còn lớn dẫn đến thiếu vốn phục vụ công tác SXKD, trả nợ ngân hàng không đúng hạn. Báo cáo quản trị chưa được kịp thời.
	+ 1. *Tiếp thị dự án:*
* Đã triển khai mạnh công tác tiếp thị các dự án, tuy nhiên phương án thực hiện chưa bài bản, dẫn đến hiệu quả đấu thầu chưa cao;
* Tính chủ động trong công tác tiếp thị các dự án chưa cao, còn máy móc gây chậm trễ, mất cơ hội;
* Chưa đáp ứng yêu cầu giữ liên lạc thường xuyên từ các dự án đã hoặc đang chuẩn bị tham gia, từ đó xảy ra tình trạng mất mát thông tin, không kịp thời đối phó với các tình huống xảy ra trên thực tế.
	+ 1. *Quản lý:*
* Đã tiến hành bổ sung, thay đổi và áp dụng các phương án quản lý mới vào điều hành sản xuất chung của Công ty. Tuy nhiên, do chưa áp dụng toàn diện nên chưa đáp ứng tốt nhất yêu cầu đặt ra;
* Tình trạng bao che, dung túng đối với cấp dưới còn xảy ra tại nhiều bộ phận, đơn vị nên chưa phát huy hết năng lực hoạt động và chưa giảm được triệt để chi phí chung của Công ty.
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2012 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để hoàn thành các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật nhà nước. Phát huy tối đa năng lực của Công ty. Tuy vậy nhưng vẫn có nhiều hạn chế trong công tác tìm kiếm các công việc mới, mở rộng thị trường.

1. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

A. Định hướng:

* Thực hiện công tác điều chỉnh giá, thực hiện quyết toán và thanh lý Hợp đồng với Chủ đầu tư đối với các công trình đang thi công;
* Tìm kiếm thêm công việc đối với các dự án tại cá tỉnh trên cả nước ;
* Đặt mục tiêu thu hồi công nợ hiệu quả ngay từ đầu quý I/2013;
* Cân đối năng lực xe máy thi công, đảm bảo việc phân phối và sử dụng hiệu quả tại các công trình;
* Bám các dự án tại khu vực Hà Tĩnh, triển khai kịp thời theo tiến độ cấp phép chung của khu vực.

B. Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động:

1. Công tác quản trị:
* Kiện toàn lại ngay các Hội đồng chuyên môn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 và các năm tiếp theo;
* Tập hợp báo cáo nhân sự, tiến hành sắp xếp, định biên lại toàn bộ nhân sự đối với các phòng ban, bộ phận trực thuộc Công ty;
* Ứng dụng toàn bộ tính năng của các phần mềm quản lý vào điều hành sản xuất;
* Ổn định, áp dụng hiệu quả công tác truyền thông nội bộ, đặc biệt từ công trường trực tiếp tới Ban lãnh đạo Công ty;
* Kiểm soát trực tiếp chi phí tại công trình bằng những công cụ hỗ trợ hiện đại đảm bảo giảm thiểu chi phí nâng cao năng suất lao động.
1. Công tác chỉ đạo SXKD:
2. *Thi công xây lắp*
* Công trình thuỷ điện Lai Châu: Thi công bóc phủ mỏ đá 1B và vận chuyển cấp đá nghiền sàng và các hạng mục công việc khác với tổng khối lượng là 1.381.000m3 đất đá các loại, thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ các hạng mục công trình.
* Gói thầu R4-3 thi công xây dựng đường Nam Quảng Nam (giai đoạn 1): Hoàn thiện quyết toán công trình.
* Gói thầu số 15(LC.15-GT) tại Lai Châu: Làm việc với Ban A thực hiện công tác điều chỉnh giá và thực hiện quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư.
1. *Công tác nghiệm thu, thu vốn:*
* Phê duyệt thiết kế các hạng mục công việc dở dang, quyết toán dứt điểm đối với các hạng mục công trình tại Sơn La, Nậm Chiến, Lai Châu và Nam Quảng Nam;
* Làm việc với các Ban điều hành để quyết toán dứt điểm các hạng mục tại công trình thuỷ điện Sê San 4, Pleikrông và Tuyên Quang;
* Quyết liệt thực hiện các biện pháp đảm bảo hiệu quả thu vốn tại toàn bộ các công trình, dự án, mục tiêu hết quý II giảm gía trị công nợ xuống còn 20 tỷ đồng.
1. *Các dự án đầu tư:*
* Tiếp tục theo dõi và bám sát các Sở, ban ngành tại Hà Nội, nếu có cơ hội thực hiện thì Công ty xin chủ trương của HĐQT để thực hiện ;
* Thực hiện tốt công tác tiếp thị, đấu thầu đảm bảo trong năm phải ký kết được một vài dự án với giá trị không dưới 100 tỷ đồng.

Kế hoạch năm 2013, về nhân sự của Trung tâm XKLĐ thực hiện kiêm nhiệm để tiếp tục tìm kiếm các đơn hàng tại các thị trường truyền thống và xây dựng phương án thực hiện phù hợp, khi có được đơn hàng Công ty sẽ sắp xếp và điều động nhân sự triển khai thực hiện đem lại hiệu quả.

V. Quản trị công ty.

1. *Hội đồng quản trị*
2. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số Cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
| 1 | Phan Văn Hùng | Chủ tịch HĐQT | 1,572,522 | 12,58 | Kiêm Tổng Giám đốc đến 31/12/2012 |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UVHĐQT | 14,696 | 0,12 | Kiêm Giám đốc Xí Nghiệp I |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UVHĐQT | 12,030 | 0,10 | Kiêm Giám đốc BQL các dự án HN |
| 4 | Phan Mạnh Hiệp | UVHĐQT | 22,005 | 0,18 | Kiêm phó Tổng Giám đốc và TGĐ từ 01/01/2013  |
| 5 | Trần Anh Phương | UVHĐQT |  |  | Sau ngày 09/5/2012 thôi giữ chức vụ UVHĐQT |
| 6 | Nguyễn Duy Quang | UVHĐQT | 1,406,250 | 11,25 | Nhận nhiệm vụ UV HĐQT thay thế Ô. Phương |

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

 I/ Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. *Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
| Trước ngày 09/5/2012 | Sau ngày 09/5/2012 |
| 1 | Ông Phan Văn Hùng | Chủ tịch |  | 04 | 100% |  |
| 2 | Ông Phan Mạnh Hiệp | Ủy viên |  | 04 | 100% |  |
| 3 | Ông Trần Thanh Tùng | Ủy viên |  | 04 | 100% |  |
| 4 | Ông Dương Ninh Tùng | Ủy viên |  | 01 | 25% | Điều hành sản xuất kinh doanh tại Lai Châu đã ủy quyền cho CT tham dự và phát biểu ý kiến |
| 5 | Ông Trần Anh Phương | Ủy viên |  | 02 | 50% | Sau ngày 09/5/2012 thôi giữ chức vụ UVHĐQT |
| 6 | Ông Nguyễn Duy Quang |  | Ủy viên | 02 | 50% | Nhận nhiệm vụ UV HĐQT thay thế Ô. Phương |

1. *Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban TGĐ:*
* Định hướng có hiệu quả kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo các chỉ tiêu chính bám sát kế hoạch, tiến độ;
* HĐQT Công ty đã sát sao trong việc giao các nhiệm vụ cho ban Tổng Giám Đốc triển khai. Trong đó, quy định rõ trách nhiệm và yêu cầu thực hiện lập chế độ báo cáo định kỳ cũng như thường xuyên đảm bảo kịp thời trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong qúa trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty;
* Triển khai áp dụng các công cụ quản lý hiện đại ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thông suốt về mặt thông tin giữa cấp quản lý cao nhất tới cấp thấp nhất, từ đó điều chỉnh phương pháp quản trị hiệu quả;
* Chỉ đạo thành lập bộ phận tiếp thị thị trường tham mưu cho Ban TGĐ và HĐQT các dự án Đầu tư, mở rộng thị trường kinh doanh cho Công ty;
* Giám sát chặt chẽ, thường xuyên kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ các phòng ban đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II/ Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phiên họp | Ngày | Nội dung |
| 1 | 01 | 19/01/2012 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý IV năm 2011 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012;*Nội dung 2.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện năm 2011 và kế hoạch năm 2012 công tác Kỹ thuật, Quản lý dự án và Quản lý cơ giới;*Nội dung 3.* Thông qua báo cáo giá trị thực hiện sửa chữa lớn xe máy năm 2011;*Nội dung 4.* Thông qua tờ trình phê duyệt báo cáo tài chính năm 2011 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2012;*Nội dung 5.* Phê duyệt các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch tài chính năm 2011 - Kế hoạch tài chính 2012 và thực hiện dự toán chi phí phí quản lý 2011 - dự toán chi phí quản lý năm 2012;*Nội dung 6.* Phê duyệt thực hiện dự toán mức thù lao HĐQT- BKS năm 2011 và dự toán mức thù lao HĐQT- BKS năm 2012;*Nội dung 7.* Phê duyệt lựa chọn phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 và kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2012;*Nội dung 8.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2010 và kế hoạch thực hiện năm 2011 công tác nhân sự Công ty;*Nội dung 9.* Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ quý IV, năm 2010 và kế hoạch năm 2011;*Nội dung 10.* Thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 909 năm 2011. |
| 2 | 02 | 25/4/2012 | *Nội dung 1.* Thông qua nội dung tờ trình của Tổng Giám Đốc về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để trình Đại hội cổ đông;*Nội dung 2.* Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2012;*Nội dung 3.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện quý I và kế hoạch quý II năm 2012 công tác Kỹ thuật, Quản lý dự án và Quản lý cơ giới;*Nội dung 4.* Thông qua báo cáo tài chính quý I và kế hoạch tài chính quý II năm 2012;*Nội dung 5.* Thông qua việc trình Đại hội cổ đông phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng;*Nội dung 6.* Thông qua báo cáo nhân sự Công ty năm 2011 và kế hoạch năm 2012;*Nội dung 7.* Thông qua đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ quý I và kế hoạch quý II năm 2012. |
| 3 | 03 | 24/7/2012 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý II và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2012;*Nội dung 2.* Thông qua báo cáo kết quả thực hiện quý II và kế hoạch quý III năm 2012 công tác Kỹ thuật, Quản lý dự án và Quản lý cơ giới;*Nội dung 3.* Thông qua báo cáo tài chính quý II và kế hoạch tài chính quý III năm 2012;*Nội dung 4.* Thông qua báo cáo nhân sự Công ty quý II và kế hoạch quý III năm 2012;*Nội dung 5.* Thông qua đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ quý II và kế hoạch quý III năm 2012. |
| 4 | 04 | 23/10/2012 | *Nội dung 1.* Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý III và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV năm 2012;*Nội dung 2.* Thông qua báo cáo tài chính quý III và kế hoạch tài chính quý IV năm 2012;*Nội dung 3.* Thông qua đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty về kết quả thực hiện nhiệm vụ quý III và kế hoạch quý IV năm 2012. |

III/ Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị:

Căn cứ thay đổi:

* Tờ trình số 12/S99-HĐQT-TTr ngày 12/4/2012 của Chủ tịch HĐQT về việc thay đổi nhân sự theo đề xuất của cổ đông lớn - Công ty cổ phần Sông Đà 9;
* Nghị quyết số 01/S99-ĐHCĐ-NQ ngày 09/5/2012 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 và kế hoạch năm 2012.

Theo đó, Đại hội cổ đông đã thông qua thay đổi nhân sự mới của Hội đồng Quản trị Công ty như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
| Trước ngày 09/5/2012 | Sau ngày 09/5/2012 |
| 1 | Trần Anh Phương | Ủy viên HĐQT |  |  |
| 2 | Nguyễn Duy Quang |  | Ủy viên HĐQT |  |

1. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập gồm ông Trần Anh Phương và ông Nguyễn Duy Quang. Trong năm 2012, các thành viên này có tham gia cùng với các thành viên khác của HĐQT giải quyết các nội dung, vấn đề phải thông qua HĐQT.

1. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không do chưa thành lập các tiểu ban của HĐQT.
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ  |
|
| 1 | Phan Văn Hùng | CT |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UV |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UV |
| 4 | Phan Mạnh Hiệp | UV |
| 5 | Nguyễn Duy Quang | UV |

1. *Ban Kiểm soát*

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần nắm giữ | Ghi chú |
| 1 | Trần Thị Chung | Trưởng ban |  |  |
| 2 | Lưu Văn Cảnh | Thành viên |  |  |
| 3 | Đinh Quang Tiến | Thành viên |  |  |

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên : Trong năm 2012, BKS tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Thường xuyên chỉ đạo và giám sát ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, NQ ĐHĐCĐ

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

1. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*
2. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

 *(Đơn vị tính : đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ  | Lương, thưởng  | Thù lao |
| Số tiền lương 1 tháng  | Số tiền lương năm 2012 | Số tiền thù lao 1 tháng  | Số tiền thù lao năm 2012 |
| A | Hội đồng quản trị |  |   |  |   | 468,000,000 |
| 1 | Phan Văn Hùng | CT |  |  | 12,000,000 | 144,000,000 |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UV |  |  | 6,000,000 | 72,000,000 |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UV |  |  | 6,000,000 | 72,000,000 |
| 4 | Phan Mạnh Hiệp | UV |  |  | 6,000,000 | 72,000,000 |
| 5 | Trần Anh Phương | UV |  |  | 6,000,000 | 30,000,000 |
| 6 | Nguyễn Duy Quang | UV |  |  | 6,000,000 | 42,000,000 |
| 7 | Nguyễn Đức Lương | TK |  |  | 3,000,000 | 36,000,000 |
| B | Ban kiểm soát |  |  |   |   | 192,000,000 |
| 1 | Trần Thị Chung | TB |  |   | 6,000,000 | 72,000,000 |
| 2 | Lưu Văn Cảnh | UV |  |   | 5,000,000 | 60,000,000 |
| 3 | Đinh Quang Tiến | UV |  |   | 5,000,000 | 60,000,000 |
| C | Ban Tổng Giám đốc |  |  | 1,214,948,305 |  |  |
| 1 | Phan Văn Hùng | TGĐ | 39,200,863 | 470,410,356 |  |  |
| 2 | Phan Mạnh Hiệp | PTGĐ | 29,477,961 | 353,735,536 |  |  |
| 3 | Dương Ninh Tùng | PTGĐ | 32,566,868 | 390,802,413 |  |  |
| D | Thù lao tại các Cty con, Cty liên kết |  |  |  |  |  |
| 1 | Cty CP SĐ Hồng Lĩnh |  |  |  |  |  |
|  | Phan Mạnh Hiệp | CT |  |  | 2.200.000 | 26.400.000 |
|  | Tổng cộng |  |   | 1,214,948,305 |  | 686,400,000 |

1. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

Giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người liên quan:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...) |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| A | Hội đồng quản trị |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Phan Văn Hùng | CT | 1,258,019  | 12,58 | 1,572,522 | 12,58 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 2 | Dương Ninh Tùng | UV | 11,758  | 0,12 | 14,696 | 0,12 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 3 | Trần Thanh Tùng | UV | 9,625  | 0,10 | 12,030 | 0,10 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 4 | Phan Mạnh Hiệp | UV | 17,605  | 0,18 | 22,005 | 0,18 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 5 | Nguyễn Duy Quang | UV | 1,125,000  | 11,25 | 1,406,250 | 11,25 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| B | Ban kiểm soát |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Trần Thị Chung | TB | 679,780  | 6,80 | 849,725 | 6,80 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 2 | Lưu Văn Cảnh | UV | 4,099  | 0,04 | 5,122 | 0,04 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| 3 | Đinh Quang Tiến | UV | 7,972  | 0,08 | 9,964 | 0,08 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |
| C | Ban TGĐ |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Phan Văn Hùng | TGĐ |  |  |  |  |  |
| 2 | Phan Mạnh Hiệp | PTGĐ |  |  |  |  |  |
| 3 | Dương Ninh Tùng | PTGĐ |  |  |  |  |  |
| 4 | Ông Chu Danh Phương | KTT | 7,292 | 0,07 | 9,114 | 0,07 | Trả cổ tức 15% + Thưởng 10% |

1. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không
2. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

*d.1.Công tác Quản trị:*

* Chỉ đạo quyết liệt và thực hiện hiệu quả công tác điều hành thông qua các báo cáo quản trị hàng tháng của các bộ phận quản lý sản xuất trực tiếp;
* Đặt trọng tâm sắp xếp nhân sự và kiện toàn tổ chức toàn Công ty;
* Chỉ đạo rà soát các quy chế do HĐQT đã ban hành hiện áp dụng chưa hợp lý, từ đó tiến hành bổ sung, sửa đổi lấy ý kiến để phê duyệt ban hành;
* Đặt kế hoạch cụ thể và giám sát chặt dòng tiền tiến hành thu vốn hiệu quả; đồng thời hoàn thiện tài liệu, phục vụ hiệu quả công tác nghiệm thu thanh toán, giảm giá trị dở dang trên các công trường;
* Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, nhất là giai đoạn kết thúc năm chuẩn bị đón tết nguyên đán.

*d.2. Giám sát thực hiện:*

* Căn cứ năng lực công tác và động viên, thúc đẩy khả năng sáng tạo đóng góp cho sự phát triển của Công ty, HĐQT đã phê duyệt thông qua thay đổi tăng mức lương của Kế toán trưởng trên cơ sở cân đối chi phí hợp lý;
* Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và các năm tiếp theo, tiến hành cân đối lại các công trình dự án đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, từ đó đã tiến hành các thủ tục quyết định chấm dứt đầu tư đối với dự án Thủy điện Phình Hồ;
* Trên cơ sở cơ cấu nội bộ, sắp xếp nhân sự, phân chia công việc hợp lý, HĐQT Công ty đã phê duyệt Bổ nhiệm Ông Phan Mạnh Hiệp - hiện đang là Phó TGĐ làm Tổng Giám Đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2013;
* Tập trung thu vốn hiệu quả tại các công trình Lai Châu, Sơn La, Nậm Chiến và Nam Quảng Nam.
1. Báo cáo tài chính
2. *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan

1. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* .

|  |  |
| --- | --- |
| *Số: 04-2013/BCKT/HN/S99-AA-Hanoi* | *Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013* |

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

*Kính gửi:* HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ QUÝ CỔ ĐÔNG

 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909

Chúng tôi, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30/01/2013. Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, chế độ kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Quốc tế được chấp nhận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không. Chúng tôi đã tiến hành lập kế hoạch kiểm toán nhằm đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 909 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nguyễn Hồng Chuẩn Trịnh Thị Ánh Minh

Giám đốc Kiểm toán viên

*Chứng chỉ KTV số: 1214/KTV Chứng chỉ KTV số: 1434/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Mẫu số: B01-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | TÀI SẢN | Mã số | Ghi chú | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 |  | 140.124.016.533 | 142.747.996.707 |
| I | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 |  | 9.745.442.273 | 10.399.122.201 |
| 1 | Tiền | 111 | 3 | 9.745.442.273 | 10.399.122.201 |
| 2 | Các khoản tương đương tiền | 112 |  | - | - |
| II | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 4 | 4.273.700.000 | 4.078.120.000 |
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | 121 |  | 9.797.118.800 | 12.022.845.989 |
| 2 | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (\*) | 129 |  | (5.523.418.800) | (7.944.725.989) |
| III | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 |  | 51.811.617.125 | 32.401.403.435 |
| 1 | Phải thu khách hàng | 131 | 5 | 44.744.880.048 | 28.536.860.503 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 132 | 5 | 2.302.948.116 | 2.851.773.386 |
| 3 | Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 134 |  | 4.076.890.000 | - |
| 4 | Các khoản phải thu khác | 135 | 6 | 716.167.476 | 1.073.126.956 |
| 5 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (\*) | 139 |  | (29.268.515) | (60.357.410) |
| IV | Hàng tồn kho | 140 |  | 49.607.582.573 | 67.617.879.682 |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | 7 | 49.607.582.573 | 67.617.879.682 |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (\*) | 149 |  | - | - |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 150 |  | 24.685.674.562 | 28.251.471.389 |
| 1 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |  | 428.089.276 | 93.853.710 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 8 | 2.709.731.873 | 1.707.207.896 |
| 3 | Thuế và các khoản phải thu nhà nước | 154 | 8 | 1.245.710.203 | 1.742.992.672 |
| 4 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 |  | 20.302.143.210 | 24.707.417.111 |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 |  | 72.431.680.293 | 81.261.924.850 |
| I | Các khoản phải thu dài hạn | 210 |  | - | - |
| II | Tài sản cố định | 220 |  | 57.825.444.036 | 65.973.509.481 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 17.365.006.287 | 23.504.120.422 |
|  | - Nguyên giá | 222 |  | 74.191.480.218 | 75.416.392.628 |
|  | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *223* |  | *(56.826.473.931)* | *(51.912.272.206)* |
| 2 | Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 185.857.187 | 237.498.851 |
|  | - Nguyên giá | 228 |  | 367.425.000 | 367.425.000 |
|  | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *229* |  | *(181.567.813)* | *(129.926.149)* |
| 3 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 40.274.580.562 | 42.231.890.208 |
| III | Bất động sản đầu tư | 240 | 12 | 13.807.447.879 | 14.098.572.055 |
| 1 | - Nguyên giá | 241 |  | 14.556.209.182 | 14.556.209.182 |
| 2 | *- Giá trị hao mòn luỹ kế (\*)* | *242* |  | *(748.761.303)* | *(457.637.127)* |
| IV | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 |  | 550.000.000 | 550.000.000 |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | 251 |  | - | - |
| 2 | Đầu tư dài hạn khác | 258 | 13 | 550.000.000 | 550.000.000 |
| IV | Tài sản dài hạn khác | 260 |  | 248.788.378 | 639.843.314 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 |  | 248.788.378 | 639.843.314 |
| VI | Lợi thế thương mại | 269 |  | - | - |
|  | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 |  | 212.555.696.826 | 224.009.921.557 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*(Tiếp theo)*

Mẫu số: B01-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | NGUỒN VỐN | Mã số | Ghi chú | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A | NỢ PHẢI TRẢ | 300 |  | 75.324.626.997 | 88.832.607.136 |
| I | Nợ ngắn hạn | 310 |  | 74.713.751.997 | 85.467.962.090 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 35.481.127.017 | 38.907.805.074 |
| 2 | Phải trả người bán | 312 | 15 | 14.169.883.367 | 19.036.094.458 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 313 | 15 | 565.000.000 | 1.081.769.273 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 7.947.240.227 | 3.013.551.894 |
| 5 | Phải trả người lao động | 315 |  | 8.149.017.683 | 7.439.038.638 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 |  | 3.483.170.918 | 10.857.165.635 |
| 7 | Các khoản phải trả, phải nộp NH khác | 319 | 17 | 3.907.991.400 | 2.815.240.003 |
| 8 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | 900.804.954 | 900.804.954 |
| 9 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 |  | 109.516.431 | 1.416.492.161 |
| II | Nợ dài hạn | 330 |  | 610.875.000 | 3.364.645.046 |
| 1 | Vay và nợ dài hạn | 334 | 18 | 610.875.000 | 3.010.553.530 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  | - | 354.091.516 |
| B | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 |  | 137.231.069.829 | 135.177.314.421 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 137.231.069.829 | 135.177.314.421 |
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 19c | 124.969.290.000 | 99.989.600.000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | 982.166.000 | 982.166.000 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 19e | 5.169.176.926 | 15.159.711.426 |
| 4 | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 19e | 3.296.250.989 | 3.296.250.989 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | 2.814.185.914 | 15.749.586.006  |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 |  | - | - |
| C | LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | 20 | - | - |
|  | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 |  | 212.555.696.826 | 224.009.921.557 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT |  Chỉ tiêu  |  Mã số  | ĐVT | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1 | Tài sản thuê ngoài | 001 | VNĐ | - | - |
| 2 | Ngoại tệ các loại | 007 | USD | 674.03 | - |
| 3 | Dự toán chi sự nghiệp, dự án | 008 | VNĐ | - | - |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013*

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 Nguyễn Thị Hà Chu Danh Phương Phan Mạnh Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mẫu số: B02-HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Ghi chú | Năm nay | Năm trước |
|  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  |  |  |  |  |  |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | 21 | 122.010.782.722 | 108.671.703.070 |
|  |  |  |  |  |  |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | 22 | 861.622.604 | 2.377.371.230 |
|  |  |  |  |  |  |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 23 | 121.149.160.118 | 106.294.331.840 |
|  |  |  |  |  |  |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 92.061.158.817 | 79.377.264.777 |
|  |  |  |  |  |  |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 |  | 29.088.001.301 | 26.917.067.063 |
|  |  |  |  |  |  |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 2.883.103.046 | 1.552.038.656 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | 26 | 8.128.449.381 | 19.161.381.081 |
|  | *- Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* |  | *7.056.888.834* | *9.353.319.241* |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 |  |  |  |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |  | 14.492.360.123 | 13.640.071.680 |
|  |  |  |  |  |  |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 |  | 9.350.294.843 | (4.332.347.042) |
| 11 | Thu nhập khác | 31 |  | 701.056.652 | 4.899.089.210 |
| 12 | Chi phí khác | 32 |  | 7.407.995.443 | 6.595.352 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 40 |  | (6.706.938.791) | 4.892.493.858 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 |  | 2.643.356.052 | 560.146.816 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27 | 497.282.469 | 239.480.980 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  |  | - |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 |  | 2.146.073.583 | 320.665.836 |
|  | Phân bổ cho |  |  |  |  |
|  | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số |  |  | - | - |
|  | Cổ đông công ty mẹ |  |  | 2.146.073.583 | 320.665.836 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (\*) | 70 |  | - | - |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013*

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nguyễn Thị Hà Chu Danh Phương Phan Mạnh Hiệp

BÁO CÁO L­ƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012

*(Theo ph­ương pháp trực tiếp)*

Mẫu số: B03 - HN

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh |  |  |  |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 1 | 103.109.264.655 | 98.782.182.562 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và dịch vụ | 2 | (79.335.886.652) | (67.185.373.803) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 3 | (11.861.144.383) | (6.873.113.621) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 4 | (6.990.843.877) | (9.473.048.117) |
| 5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp | 5 | - | - |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 6 | 1.122.970.523 | 23.536.165.757 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 7 | (991.600.962) | (35.190.682.244) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 5.052.759.304 | 3.596.130.534 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư |  |  |  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | (171.224.909) | (594.021.175) |
| 2. Tiền thu từ T.lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn | 22 | 46.200.000 | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ  | 23 | 3.500.000.000 | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (3.500.000.000) | - |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 244.942.264 | 195.301.853 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 119.917.355 | (398.179.322) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính |  |  |  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cố phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp , mua lại cổ phiếu  | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 48.693.487.316 | 52.566.561.416 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (54.519.843.903) | (45.364.850.427) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (5.826.356.587) | 7.201.710.989 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | (653.679.928) | 10.399.122.201 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 10.399.122.201 | - |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | 9.745.442.273 | 10.399.122.201 |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013*

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nguyễn Thị Hà Chu Danh Phương Phan Mạnh Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Mẫu số: B09-HN

*(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Đà 909 ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 trực thuộc Công ty Sông Đà 9 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Sông Đà 909 theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/12/2007 (Chuyển trụ sở - thay thế Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000680 ngày 29/03/2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp). Kể từ thời điểm chuyển đổi, Công ty có thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 1 ngày 18/06/2008 và lần 7 số ngày 22/01/2013, theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 124.969.290.000 đồng

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909

Tên giao dịch: SONG DA 909 JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SONG DA 909., JSC

Trụ sở chính tại: Tầng 9 Toà nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

*Trong đó:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đối tượng | Số tiền (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 31.934.750.000 | 25,55 |
| Ông Phan Văn Hùng | 6.350.220.000 | 5,08 |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | 403.760.000 | 0,32 |
| Cổ đông khác | 86.280.560.000 | 69,05 |
| Cộng | 124.969.290.000 | 100 |

Đến thời điểm 31/12/2012 toàn bộ 12.496.929 cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông và được phép tự do chuyển nhượng theo qui định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản pháp lý có liên quan đến chứng khoán. Hiện tại mã chứng khoán đang giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội của Công ty là S99.

Hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 7 ngày 22/01/2013 ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công tình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của công ty); dịch vụ định giá bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của công ty); dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ đấu giá bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; hoạt động xuất khẩu lao động; chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, thực phẩm (trừ loại Nhà nước cấm); sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng. Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng; đầu tư xây dựng các nhà máy thuỷ điện, quản lý vận hành nhà máy thuỷ điện, bán điện; kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê; kinh doanh vận tải hàng hoá; kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác; nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn./.

Đến thời điểm 31/12/2012 Công ty thực hiện tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh với giá trị vốn góp đăng ký là 10.200.000.000 VNĐ, chiếm 51%.

1. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán
2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

1. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

Trong năm tài chính 2012, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện 16 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính.

1. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

1. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Với các công trình mới triển khai có khối lượng dở dang chưa có doanh thu thì chi phí dở dang cuối kỳ được tập hợp theo thực tế phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

1. Tài sản cố định và khấu hao

*Tài sản cố định hữu hình:*

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

(1) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

(2) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;

(3) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

(4) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành (Có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên).

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và khấu hao luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  **Tài sản** | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa vật kiến trúc | 25 - 50 |
|  Máy móc thiết bị | 06 - 10 |
|  Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
|  Công cụ dụng cụ quản lý & tài sản khác | 03 - 08 |

*Tài sản cố định vô hình:*

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn điều kiện ghi nhận Tài sản cố định Hữu hình, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán …

1. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Với từng hoạt động kinh doanh cụ thể, công ty ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng: được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi Chủ đầu tư, công ty sẽ ghi nhận doanh thu đồng thời ghi chi phí tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được Chủ đầu tư xác nhận trong kỳ kế toán hoặc kết thúc kỳ kế toán. Với các khoản tăng, giảm khối lượng thực hiện sẽ chỉ được ghi nhận khi vào doanh thu khi đã được Chủ đầu tư chấp thuận thanh toán và ký biên bản quyết toán cuối cùng.

Với các hợp đồng không thể xác định chi phí một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắn chắn. Tương ứng chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi đã thực sự phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
* Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
* Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được Công ty áp dụng từ năm tài chính 2010 và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

1. Thuế

Doanh nghiệp áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với sản phẩm là hoạt động thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thuỷ điện, bưu điện, các công trình thuỷ lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công tình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước các loại là 10%. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ được tất toán khi cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và luật thuế) có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

1. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được hạch toán và phản ánh theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

1. Dự phòng phải thu khó đòi

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn sử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp”.

1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp”.

1. Chi phí trả trước dài hạn

*Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ:*

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ được phân bổ vào chi phí không quá 02 năm.

1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

1. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

1. Thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày mua tài sản. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá trị trên hợp đồng thuê và giá thị trường của tài sản được xem là chi phí tài chính và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê, đảm bảo một tỷ lệ cố định tính trên số dư phải trả về thuê tài chính còn lại cho trong kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương như các tài sản sở hữu, hoặc dựa trên thời gian đi thuê tài sản tương ứng trong trường hợp thời gian thuê ngắn hơn.

1. Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

1. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao luỹ kế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Tỷ lệ khấu hao áp dụng với bất động sản đầu tư tương tự như tỷ lệ khấu hao áp dụng đối với bất động sản chủ sở hữu sử dụng.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

1. Công cụ tài chính

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Tiền mặt | 3.400.586.604 |  | 273.690.813 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.344.855.669 |  | 10.125.431.388 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 9.745.442.273 |  | 10.399.122.201 |

1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Chứng khoán đã niêm yết  | 9.797.118.800 |  | 12.022.845.989 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (5.523.418.800) |  | (7.944.725.989) |
|  |  |  |  |
| Giá trị thuần của đầu tư ngắn hạn | 4.273.700.000 |  | 4.078.120.000 |

1. Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Phải thu khách hàng | 44.744.880.048 |  | 28.536.860.503 |
| *Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La* | *18.575.757.948* |  | *12.441.286.427* |
| *Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu* | *928.676.990* |  | *-* |
| *Công ty CP Sông Đà 704* | *7.607.268.000* |  | *-* |
| *Công ty CP Sông Đà 5* | *7.566.087.079* |  | *299.658.700* |
| *Công ty CP Sông Đà 7* | *453.567.504* |  | *157.696.000* |
| *CN Sông Đà 6.04 – Công ty CP Sông Đà 6 tại Lai Châu* | *164.740.051* |  | *-* |
| *Ban QLDA đường Nam Quảng Nam* | *3.040.006.400* |  | *7.707.273.297* |
| *Công ty CP Sông Đà 2* | *952.590.927* |  | *1.200.668.559* |
| *Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La* | *778.104.000* |  | *2.610.605.564* |
| *BDH DA thuỷ điện Tuyên Quang* | *504.202.769* |  | *502.547.111* |
| *Đối tượng khác* | *4.173.878.380* |  | *3.617.124.845* |
| Trả trước cho người bán | 2.302.948.116 |  | 2.851.773.386 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 47.047.828.164 |  | 31.388.633.889 |

1. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Các khoản phải thu khác | 716.167.476 |  | 1.073.126.956 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 716.167.476 |  | 1.073.126.956 |

1. Hàng tồn kho

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.121.749.166  |  | 8.197.169.239 |
| Công cụ, dụng cụ | - |  | 8.371.000 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 44.485.833.407 |  | 59.412.339.443 |
|  |  |  |  |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 49.607.582.573 |  | 67.617.879.682 |

1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ | 2.709.731.873 |  | 1.707.207.896 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 1.245.710.203 |  | 1.742.992.672 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 3.955.442.076 |  | 3.450.200.568 |

1. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01 trang 23)
2. Tài sản cố định vô hình

*Đơn vị tính: VNĐ*

| Khoản mục |  | Phần mềm, thương hiệu |  | Cộng |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | 367.425.000 |  | 367.425.000 |
| Tăng trong năm |  | - |  | - |
| Giảm trong năm |  | - |  | - |
| Số dư cuối năm |  | 367.425.000 |  | 367.425.000 |
| Giá trị HMLK |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | 129.926.149 |  | 129.926.149 |
| Tăng trong năm |  | 51.641.664 |  | 51.641.664 |
| Khấu hao trong năm |  | 51.641.664 |  | 51.641.664 |
| Giảm trong năm |  | - |  | - |
| Số dư cuối năm |  | 181.567.813 |  | 181.567.813 |
| Giá trị còn lại |  | - |  | - |
| Tại ngày đầu năm |  | 237.498.851 |  | 237.498.851 |
| Tại ngày cuối năm |  | 185.857.187 |  | 185.857.187 |

1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
| Văn phòng công ty | 37.544.232.360 |  | 39.418.026.326 |
| Mua sắm TSCĐ | 14.800.000 |  |  |
| Xây dựng cơ bản theo từng công trình  | 37.529.432.360 |  | 39.418.026.326 |
| *Dự án đất Tân Vạn*  | *2.985.243.556* |  | *2.985.243.556* |
| *Ban quản lý các dự án ở Hà Nội*  | *7.834.795.577* |  | *6.759.810.156* |
| *Dự án trụ sở Công ty* | *24.693.629.136* |  | *23.905.653.206* |
| *Dự án Thủy điện Phình Hồ*  | *-* |  | *4.038.039.590* |
| *Dự án Mỏ đá Nhà Lương - Sông Đà Hồng Lĩnh* | *1.986.299.091* |  | *1.699.814.818* |
| *Dự án khác* | *29.465.000* |  | *29.465.000* |
| Xí nghiệp I  | - |  | 1.882.570.404 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định  | - |  | 1.882.570.404 |
| Công ty con | 2.730.348.202 |  | 931.293.478 |
| Cộng | 40.274.580.562 |  | 42.231.890.208 |

1. Bất động sản đầu tư

*Đơn vị tính : VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục |  | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 14.556.209.182 |  | - | 14.556.209.182 |
| Giá trị HMLK |  |  |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 457.637.127 | 291.124.176 |  | 748.761.303 |
| Giá trị còn lại |  |  |  |
| Nhà và quyền sử dụng đất |  | 14.098.572.055 | (291.124.176) |  | 13.807.447.879 |

1. Các khoản đầu tư dài hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Đầu tư dài hạn khác | 550.000.000 |  | 550.000.000 |
| *Đầu tư vào khu kinh tế Hải Hà* | *550.000.000* |  | *550.000.000* |
|  |  |  |  |
| Cộng | 550.000.000 |  | 550.000.000 |

1. Vay và nợ ngắn hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
|  Vay ngắn hạn | 33.171.448.487 |  | 34.824.975.074 |
| *Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (a)* | *1.600.000.000* |  | *3.620.392.800* |
| *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)* | *18.365.619.737* |  | *21.160.721.391* |
| *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)* | *7.720.230.000* |  | *7.649.666.125* |
| *Công ty CP Chứng khoán Click & Phone*  | *-* |  | *994.194.758* |
| *Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (d)* | *1.000.000.000* |  | *1.400.000.000* |
| *Ngân hàng NN& PT NT Việt Nam* | *4.485.598.750* |  | *-* |
|  Nợ dài hạn đến hạn trả | 2.309.678.530 |  | 4.082.830.000 |
| *Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam*  | *1.443.750.000* |  | *1.925.000.000* |
| *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Thăng Long* | *-* |  | *94.500.000* |
| *Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam* | *94.500.000* |  | *270.000.000* |
| *Ngân hàng NNPTNT Mỹ Đình* | *411.428.530* |  | *-* |
| *Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam* | *360.000.000* |  | *1.793.330.000* |
|  |  |  |  |
| Cộng | 35.481.127.017 |  | 38.907.805.074 |

1. *Khoản vay tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt, mục đích vay bổ sung vốn lưu động (thanh toán lương và tiền hàng) với thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1,17%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 5 xe ô tô Hyundai 25 tấn.*
2. *Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 287/12/HM ngày 06/06/2012, tổng hạn mức vay 35 tỷ đồng (bao gồm cả số dư đã nhận nợ của hợp đồng tín dụng hạn mức số 300/10/HM ngày 16/08/2010). Mục đích vay vốn lưu động phục vụ thi công công trình thủy điện Lai Châu và các hạng mục phụ trợ. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất cho vay thả nổi 6 tháng một lần.*

*Tài sản đảm bảo bao gồm:*

*- Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô có giá trị định giá 397 triệu VNĐ;*

*- Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô có giá trị định giá 115 triệu VNĐ;*

*- Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm xe ô tô có giá trị định giá 1,09 tỷ VNĐ.*

*Và tài sản đảm bảo của bên thứ ba bao gồm:*

*- Quyền sở hữu căn hộ với giá trị định giá là 5,07 tỷ VNĐ;*

*- Quyền sử dụng đất với giá trị 25,69 tỷ VNĐ.*

1. *Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mục đích bổ sung vốn lưu động (thanh toán lương và mua nguyên vật liệu) với thời hạn vay 9 tháng, lãi suất từ 1,38% - 1,42 %/tháng. Khoản vay được đảm bảo 6 máy xúc đào thủy lực bánh xích Volvo EC360 BLC, 2 máy đào thủy lực bánh xích Cat Model 336D và quyền sở hữu căn hộ với giá trị định giá là 6,5 tỷ VNĐ*
2. *Khoản vay tại Ngân hàngTMCP Quốc tế Việt Nam mục đích xây dựng trụ sở Công ty với thời hạn vay 8 tháng, lãi suất 1,5%/ tháng. Đảm bảo bởi tài sản của bên thứ ba là căn hộ chung cư tại Khu đô thị Nam Trung Yên.*
3. *Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam mục đích bổ sung vốn lưu động thời hạn 8 tháng, lãi suất 1,25%- 1,29% / tháng.Khoản vay được đảm bảo 5 xe Đông feng,1 máy đào bánh xích Komatsu PC 350-7, 1 trạm nghiền đá, 1 máy biến áp 250 KVA, một máy ủi đã qua sử dụng loại Komatsu và 6 xe ô tô Hyundai 15 tấn ben.*
4. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Phải trả người bán | 14.169.883.367 |  | 19.036.094.458 |
| *Công ty CP Đầu tư và XD Phước Vạn Lợi* | *3.200.250.000* |  | *-* |
| *Công ty CP Sông Đà 9* | *649.385.018* |  | *345.224.224* |
| *DNTN Cơ giới Việt Thanh* | *290.699.091* |  | *340.699.091* |
| *Liên đoàn địa chất Bắc Trung Bộ* | *238.378.600* |  | *268.378.600* |
| *Công ty Xăng dầu Thuỵ Dương* | *2.438.546.258* |  | *5.369.434.888* |
| *Ga ra ô tô Nguyễn Đăng Thuật* | *2.005.029.000* |  | *1.684.953.000* |
| *Doanh nghiệp tư nhân Thanh Lâm* | *1.733.917.957* |  | *3.377.508.662* |
| *Xí nghiệp Sông đà 10.6* | *1.000.000.000* |  | *-* |
| *CH Khúc Văn Sơn* | *443.363.000* |  | *159.807.000* |
| *Đối tượng khác* | *2.170.314.443* |  | *7.490.088.993* |
| Người mua trả tiền trước | 565.000.000 |  | 1.081.769.273 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 14.734.883.367 |  | 20.117.863.731 |

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Thuế giá trị gia tăng  | 7.947.240.227 |  | 2.774.880.285 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - |  | 237.246.442 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - |  | 1.425.167 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 7.947.240.227 |  | 3.013.551.894 |

1. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Kinh phí công đoàn | 824.486.797 |  | 482.287.731 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.458.424.488 |  | 860.433.184 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.625.080.115 |  | 1.472.519.088 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 3.907.991.400 |  | 2.815.240.003 |

1. Vay và nợ dài hạn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (a) | 64.625.000 |  | 476.053.530 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam  | - |  | 1.443.750.000 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (b) | 47.250.000 |  | 141.750.000 |
| Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam (c) | 499.000.000 |  | 949.000.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 610.875.000 |  | 3.010.553.530 |

1. *Khoản vay tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam mục đích vay mua xe Prado 7 chỗ với thời hạn vay 4 năm, lãi suất 1,67%/ tháng, đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.*
2. *Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam mục đích vay mua xe TRANSINCO 34 với thời hạn vay 4 năm, lãi suất 1,25%/ tháng, đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.*
3. *Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam mục đích vay mua 05 xe tải ben 12 tấn, mua máy xúc Komatsu, Đầu tư trạm nghiền đá, mua máy ủi đã qua sử dụng thời hạn vay 4 năm, lãi suất 1,25%/ tháng, đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.*
4. Nguồn vốn chủ sở hữu
5. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02 trang 24)
6. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9  | 31.934.750.000 |  | 25.547.800.000 |
| Vốn góp của các đối tư­ợng khác  | 93.034.540.000 |  | 74.441.800.000 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 124.969.290.000 |  | 99.989.600.000 |

1. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Năm nay  |  | Năm trước |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | 124.969.290.000 |  | 99.989.960.000 |
| *Vốn góp đầu năm* | *99.989.600.000* |  | *99.989.960.000* |
| *Vốn góp tăng trong năm* | *24.979.690.000* |  | *-* |
| *Vốn góp giảm trong năm* | *-* |  | *-* |
| *Vốn góp cuối năm* | *124.969.290.000* |  | *99.989.960.000* |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 24.979.690.000 |  | - |
| *Trả cổ tức bằng cổ phiếu* | *14.998.440.000*  |  | *-* |
| *Cổ phiếu thưởng* | *9.990.534.500*  |  | *-* |

1. Cổ phiếu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành  | 2.497.969 |  | 9.989.960 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra  | 2.497.969 |  | 9.989.960 |
|  *Cổ phiếu phổ thông* | 2.497.969 |  | *9.989.960* |
|  *Cổ phiếu ưu đãi* | *-* |  | *-* |
|  Số lượng cổ phiếu được mua lại | 12.496.929 |  | 9.989.960 |
|  *Cổ phiếu phổ thông* | *12.496.929* |  | *9.989.960* |
|  *Cổ phiếu ưu đãi* |  |  | *-* |

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phần.*

1. Các quỹ của Doanh nghiệp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Số cuối năm |  | Số đầu năm |
|  |  |  | VNĐ |
|  |  |  |  |
| Quỹ đầu tư phát triển | 5.169.176.926 |  | 15.159.711.426 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 3.296.250.989 |  | 3.296.250.989 |

1. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Cho đến ngày 31/12/2012, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001324115 ngày 06/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh có vốn điều lệ 20 tỷ đồng với cơ cấu góp vốn như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đối tượng | Số tiền (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Viên Lộc | 4.000.000.000 | 20,00 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 909 | 10.200.000.000 | 51,00 |
| Cổ đông khác | 5.800.000.000 | 29,00 |
| Cộng | 20.000.000.000 | 100,00 |

Theo đăng ký này, Công ty Cổ phần Sông Đà 909 là công ty mẹ và sẽ tham gia góp vốn với số tiền 10,2 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã góp 6,83 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh và là cổ đông duy nhất góp vốn cho tới thời điểm này. Như vậy báo cáo hợp nhất không xác định lợi ích của cổ đông thiểu số.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  |  | 122.010.782.722 |  | 108.671.703.070 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng  |  | 122.010.782.722 |  | 108.671.703.070 |

1. Các khoản giảm trừ doanh thu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Các khoản giảm trừ doanh thu  |  | 861.622.604  |  | 2.377.371.230 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Giảm giá hàng bán  |  | 861.622.604 |  | 2.377.371.230 |

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ  |  | 121.149.160.118 |  | 106.294.331.840 |
| *Trong đó:* |  |  |  |  |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng  |  | 121.149.160.118 |  | 106.294.331.840 |

1. Giá vốn hàng bán

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng |  | 92.061.158.817 |  | 79.377.264.777 |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 92.061.158.817 |  | 79.377.264.777 |

1. Doanh thu hoạt động tài chính

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Lãi tiền gửi |  | 244.942.264 |  | 1.552.038.656 |
| Doanh thu chứng khoán |  | 2.638.160.782 |  | - |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 2.883.103.046 |  | 1.552.038.656 |

1. Chi phí tài chính

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
|  |  |  |  |  |
| Chi phí lãi vay |  | 7.056.888.834 |  | 9.353.319.241 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn  |  | - |  | 1.561.849.469 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn  |  | 1.071.560.547 |  | 7.944.725.989 |
| Chi phí tài chính khác |  | - |  | 301.486.382 |
|  |  |  |  |  |
| Cộng |  | 8.128.449.381 |  | 19.161.381.081 |

1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Năm nay |  | Năm trước |
|  |  | VNĐ |  | VNĐ |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành |  | 497.282.470 |  | 239.480.980 |
| *Trong đó:* *+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*  |  | *497.282.470* |  | *239.480.980* |
|  *+ Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm* |  | *-* |  | *-* |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay  |  | - |  | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  |  | 497.282.470 |  | 239.480.980 |

1. Công cụ tài chính
2. Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các loại công cụ tài chính

|  |  |
| --- | --- |
| Tài sản tài chính | Giá trị ghi sổ |
|  | Số cuối nămVNĐ |  | Số đầu nămVNĐ |
|  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.745.442.273 |  | 10.399.122.201 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 45.461.047.524 |  | 29.609.987.459 |
| Đầu tư ngắn hạn | 4.273.700.000 |  | 4.078.120.000 |
| Đầu tư dài hạn | 550.000.000 |  | 550.000.000 |
| Tài sản tài chính khác | - |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 60.030.189.797 |  | 44.637.229.660 |

|  |  |
| --- | --- |
| Công nợ tài chính | Giá trị ghi sổ |
|  | Số cuối nămVNĐ |  | Số đầu nămVNĐ |
|  |  |  |  |
| Các khoản vay | 36.092.002.017 |  | 41.918.358.604 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 18.077.874.767 |  | 21.851.334.461 |
| Chi phí phải trả | 3.483.170.918 |  | 10.857.165.635 |
|  |  |  |  |
| Cộng | 57.653.047.702 |  | 74.626.858.700 |

1. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa áp dụng các biện pháp về phòng ngửa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

1. Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác nào.

1. Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn, cụ thể:

*Tài sản tài chính*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số cuối năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.745.442.273 |  | - |  | 9.745.442.273 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 45.461.047.524 |  | - |  | 45.461.047.524 |
| Đầu tư ngắn hạn | 4.273.700.000 |  | - |  | 4.273.700.000 |
| Đầu tư dài hạn |   |  | 550.000.000 |  | 550.000.000 |
| Cộng | 59.480.189.797 |  | 550.000.000 |  | 60.030.189.797 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số đầu năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.399.122.201 |  | - |  | 10.399.122.201 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 29.609.987.459 |  | - |  | 29.609.987.459 |
| Đầu tư ngắn hạn | 4.078.120.000 |  | - |  | 4.078.120.000 |
| Đầu tư dài hạn | -  |  | 550.000.000 |  | 550.000.000 |
| Cộng | 44.087.229.660 |  | 550.000.000 |  | 44.637.229.660 |

Công nợ tài chính

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số cuối năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Các khoản vay | 35.481.127.017 |  | 610.875.000 |  | 36.092.002.017 |
| Phải trả khách hàng và phải trả khác | 18.077.874.767 |  | - |  | 18.077.874.767 |
| Chi phí phải trả | 3.483.170.918 |  | - |  | 3.483.170.918 |
|  |   |  |   |  |   |
| Cộng | 57.042.172.702 |  | 610.875.000 |  | 57.653.047.702 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số đầu năm | Dưới 1 năm |  | Trên 1 năm |  | Cộng |
|  |  |  |  |  |  |
| Các khoản vay | 38.907.805.074 |  | 3.010.553.530 |  | 41.918.358.604 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 21.851.334.461 |  | - |  | 21.851.334.461 |
| Chi phí phải trả | 10.857.165.635 |  | - |  | 10.857.165.635 |
|  |   |  |   |  |   |
| Cộng | 71.616.305.170 |  | 3.010.553.530 |  | 74.626.858.700 |

1. Rủi ro thị trường

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ…. có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tiền và các khoản tương đương tiền |
|  | Số cuối nămVNĐ |  | Số đầu nămVNĐ |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| Đô la Mỹ  | 14.038.625 |  | - |
|  |  |  |  |
| Cộng | 14.038.625 |  | - |

*Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư này được nắm giữ không nhằm mục đích kinh doanh mà phục vụ chiến lược phát triển lâu dài

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu rủi ro khi có sự biến động tăng giá của giá bán nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro của nghiệp vụ này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013*

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Nguyễn Thị Hà Chu Danh Phương Phan Mạnh Hiệp

Phụ lục 01: Tài sản cố định hữu hình

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục |  | Máy móc thiết bị |  | Phương tiện vận tải, truyền dẫn |  | Thiết bị dụng cụ quản lý |  | Cộng |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nguyên giá |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | 36.422.386.079 |  | 37.949.858.973 |  | 1.044.147.576 |  | 75.416.392.628 |
| Tăng trong năm |  | 23.636.364 |  | 27.636.364 |  | 63.436.363 |  | 114.709.091 |
| Mua sắm mới |  | 23.636.364 |  | 18.636.364 |  | 63.436.363 |  | 105.709.091 |
| Giảm trong năm |  | - |  | 1.330.621.501 |  | - |  | 1.330.621.501 |
| T.lý, nhượng bán |  | - |  | 1.330.621.501 |  | - |  | 1.330.621.501 |
| Số dư cuối năm |  | 36.446.022.443 |  | 36.637.873.836 |  | 1.107.583.939 |  | 74.191.480.218 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị hao mòn |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số dư đầu năm |  | 24.710.151.316 |  | 26.299.720.002 |  | 902.400.888 |  | 51.912.272.206 |
| Tăng trong năm |  | 2.940.012.471 |  | 3.227.964.866 |  | 85.845.889 |  | 6.253.823.226 |
| Khấu hao trong năm |  | 2.940.012.471 |  | 3.218.964.866 |  | 85.845.889 |  | 6.244.823.226 |
| Giảm trong năm |  | - |  | 1.330.621.501 |  | - |  | 1.330.621.501 |
| Thanh lý nhượng bán |  | - |  | 1.330.621.501 |  | - |  | 1.330.621.501 |
| Số dư cuối năm |  | 27.650.163.787 |  | 28.188.063.367 |  | 988.246.777 |  | 56.826.473.931 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Giá trị còn lại |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tại ngày đầu năm |  | 11.712.234.763 |  | 11.650.138.971 |  | 141.746.688 |  | 23.504.120.422 |
| Tại ngày cuối năm |  | 8.795.858.656 |  | 8.449.810.469 |  | 119.337.162 |  | 17.365.006.287 |

Tài sản mang đi cầm cố thế chấp bao gồm:

* *Thế chấp 5 xe ô tô Hyundai 25 tấn cho khoản vay 1,6 tỷ VNĐ tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt theo hợp đồng thế chấp số 01-1106/ HĐTCTS;*
* *Thế chấp 5 xe Dong feng theo hợp đồng thế chấp số 01/07/OTO, xe Ford Everest 7 chỗ và xe Hyundai Santafe 7 chỗ theo hợp đồng thế chấp 20/08/OTO, xe INNOVA 8 chỗ theo hợp đồng thế chấp 20/07/OTO tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay 18.365.619.737 VNĐ;*
* *Thế chấp 5 xe Dong feng theo hợp đồng thế chấp 1400-LCL-200800249, 1 máy đào bánh xích Komatsu PC 350-07, 1 trạm nghiền đá 20m3/h , 1 máy biến áp 250KVA, 1 máy ủi đã qua sử dụng và 6 xe ô tô Hyundai 15 tấn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cho khoản vay 4.961.652.280VNĐ;*
* *Thế chấp 6 máy xúc đào thủy lực bánh xích Volvo EC360 BLC, 2 máy đào thủy lực bánh xích Cat Model 336D và xe ô tô Mitsubishi Pajero-GL 7 chỗ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho khoản vay 9.163.980.000VNĐ;*
* *Thế chấp xe Transinco 34 chỗ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cho khoản vay 141.750.000VNĐ;*
* *Thế chấp xe ô tô 7 chỗ Toyota Prado tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam cho khoản vay 859.000.000VNĐ./.*

Phụ lục 02: Vốn chủ sở hữu

1. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|
| Số dư đầu năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Tăng trong năm trước | 99.989.600.000 | 982.166.000 | 15.159.711.426 | 3.296.250.989 | 15.749.586.006 | 135.177.314.421 |
| Tăng khác | 99.989.600.000 | 982.166.000 | 15.159.711.426 | 3.296.250.989 | 15.749.586.006 | 135.177.314.421 |
| Giảm trong năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 99.989.600.000 | 982.166.000 | 15.159.711.426 | 3.296.250.989 | 15.749.586.006 | 135.177.314.421 |
| Số dư đầu năm | 99.989.600.000 | 982.166.000 | 15.159.711.426 | 3.296.250.989 | 15.749.586.006 | 135.177.314.421 |
| Tăng vốn trong năm | 24.979.690.000 | - | - | - | - | 24.979.690.000 |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 2.146.073.583 | 2.146.073.583 |
| Trả cổ tức, cổ phiếu thưởng |  |  | (9.990.534.500) |  | (14.998.440.000) | (24.988.974.500) |
| Giảm khác | - | - | - | - | (83.033.675) | (83.033.675) |
| Số dư cuối năm | 124.969.290.000 | 982.166.000 | 5.169.176.926 | 3.296.250.989 | 2.814.185.914 | 137.231.069.829 |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty |

TỔNG GIÁM ĐỐC